

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**SHI SHAN
(SƠ SAN)**

**MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG
ASEAN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
Ngành: Đông Phương học
Chuyên ngành: Châu Á học
Mã số: 60 31 06 01**

Hà Nội - 2015

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**SHI SHAN
(SƠ SAN)**

**MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG
ASEAN TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY**

Ngành: Đông Phương học

Chuyên ngành: Châu Á học

Mã số: 60 31 06 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ CHÂU Á HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Lê Đình Chính

Hà Nội - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn với tiêu đề: “ Một số đóng góp của Việt Nam trong ASEAN từ năm 1995 đến nay” hoàn toàn là kết quả nghiên cứu của chính bản thân tôi và chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác. Trong quá trình thực hiện luận văn, tôi đã thực hiện nghiêm túc các quy tắc đạo đức nghiên cứu; các kết quả trình bày trong luận văn là sản phẩm nghiên cứu, khảo sát của riêng cá nhân tôi; tất cả các tài liệu tham khảo sử dụng trong luận văn đều được trích dẫn tường minh, theo đúng quy định.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu và các nội dung khác trong luận văn của mình.

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2015

DANH MỤC CÁC CHỮ	VIẾT TẮT
AEC	ASEAN Economic Community Cộng đồng kinh tế ASEAN
AEM	ASEAN Economic Ministers Hội nghị bộ trưởng kinh tế ASEAN
AFAS	ASEAN Free Trade Area
AFTA	Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN Chương trình Thuế quan Ưu đãi Có Hiệu lực Chung của AFTA
AIA	Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền
AICHR	
AICO	Hiệp định Khung về Hợp tác Công nghiệp ASEAN
AMM	ASEAN Ministerial Meeting-AMM
ARF	Hội nghị Ngoại giao ASEAN ASEAN Regional Forum
ASA	Diễn đàn khu vực ASEAN Association of Southeast Asian Hiệp hội Đông Nam Á
ASC	ASEAN Standing Committee Ủy ban thường trực ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEM	The Asia-Europe Meeting Diễn đàn hợp tác Á-Âu

CACM	Central American Common Market Thị trường chung Trung Mỹ
CEPT	Agreement On The Common Effective Preferential Tariff
CLMV	Chương trình Thuế quan Ưu đãi Có Hiệu lực Chung của AFTA
COC	Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam
DOC	Code of Conduct for South China sea Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông Declaration on Conduct of the Parties in the South China Sea
EAS	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Nam Trung Hoa
EEC	East asia Summit Hội nghị cấp cao Đông Á
EU	European Economic Community Cộng đồng Kinh tế châu Âu European Union
GMS	Liên minh châu Âu hay Liên hiệp châu Âu Greater Mekong Subregion, viết tắt là GMS
IAI	Tiểu vùng Sông Mekong Mở rộng
JMM	Initiative for ASEAN Integration Sáng kiến liên kết ASEAN
LAFTA	Join Ministerial Meeting Hội nghị liên Bộ trưởng The Latin American Free Trade Association

Khu vực thương mại tự do Mỹ La
Tinh

MRC	Mekong River Commission Ủy hội sông Mê Công
NAFTA	North America Free Trade Agreement Hiệp định mậu dịch Tự do Bắc Mỹ
NATO	North Atlantic Treaty Organization Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
SEATO	Southeast Asia Treaty Organization Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á
SEOM	Senior Economic Officials Meeting Cuộc họp các quan chức kinh tế cao cấp
SOM	Senior Officials Meeting Cuộc họp các quan chức cao cấp
UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc
ZOPFAN	Zone of Peace, Freedom and Neutrality Khu vực hòa Bình tự do trung lập

MỤC LỤC

	Trang
LỜI CAM ĐOAN	
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	
MỤC LỤC	
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Sơ lược về lịch sử nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	8
5. Phương pháp nghiên cứu	8
6. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của luận văn	8
7. Bố cục luận văn	9
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC ASEAN VÀ QUÁ TRÌNH VIỆT NAM GIA NHẬP ASEAN	10
1. Sự ra đời của tổ chức ASEAN	10
2. Quá trình Việt Nam gia nhập vào ASEAN	21
2.1. Thời kỳ 1967-1978	21
2.2. Thời kỳ 1979-1991	26
2.3. Thời kỳ từ 1992 đến khi gia nhập ASEAN	32
Chương 2. ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM VỀ BA TRỤ CỘT: AN NINH - CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI SAU KHI GIA NHẬP TỔ CHỨC ASEAN	43
2.1. Về hợp tác An ninh- Chính trị và quan hệ đối ngoại	43
2.1.1. Quan điểm của Việt Nam khi chính thức trở thành thành viên ASEAN	43

2.1.2. Những đóng góp của Việt Nam khi trở thành thành viên ASEAN trong vấn đề An ninh- Chính trị và quan hệ đối ngoại	46
2.2. Đóng góp trong vấn đề hợp tác kinh tế	65
2.3. Về hợp tác văn hóa - xã hội	78
2.3.1. Trong lĩnh vực hợp tác văn học và nghiên cứu	79
2.3.2. Trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và trưng bày	80
2.3.3. Trong lĩnh vực phát thanh truyền hình...	82
2.3.4. Những đóng góp cụ thể với từng quốc gia trong ASEAN	84
Chương 3. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM VÀO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN	88
KẾT LUẬN	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

ASEAN được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967 nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa - xã hội giữa các nước thành viên, đồng thời để thích nghi với xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa. Sau 48 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã có những chuyển biến căn bản về chất, hình thức và nội dung hợp tác và trở thành một tổ chức hợp tác khu vực thành công nhất trên thế giới, có vai trò quan trọng đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN tháng 7 năm 1995. Trong 20 năm tham gia ASEAN, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hợp tác của Hiệp hội. Việt Nam đã đóng vai trò chủ chốt trong việc xác định các phương hướng hợp tác và tương lai phát triển của Hiệp hội cũng như trong các quyết sách lớn của ASEAN, góp phần tăng cường đoàn kết và hợp tác nhằm nâng cao vai trò và vị thế của ASEAN. Việt Nam có rất nhiều đóng góp quan trọng và cụ thể trên các lĩnh vực hợp tác chính của ASEAN về chính trị - an ninh, kinh tế, hợp tác chuyên ngành và đối ngoại. Vai trò của Việt Nam trong ASEAN được đánh giá cao và coi trọng.

Đối với Việt Nam, việc trở thành thành viên chính thức của ASEAN là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng bởi lẽ khi tham gia hợp tác ASEAN, Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế trong quan hệ hợp tác kinh tế, an ninh, quốc phòng, nhất là việc triển khai thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Một cộng đồng ASEAN

liên kết chặt chẽ, vững mạnh, có vai trò và vị thế quốc tế quan trọng là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam.

Từ những nội dung nêu trên có thể thấy rằng, việc đi sâu nghiên cứu những thành tựu của Việt Nam trong quá trình hợp tác với tư cách là thành viên của ASEAN là một vấn đề khoa học có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn. Từ nhận thức đó, tôi chọn đề tài: “**Một số đóng góp của Việt Nam sau khi gia nhập tổ chức ASEAN**” làm đề tài luận văn của mình với hy vọng góp phần nhỏ của mình vào việc nghiên cứu một cách khách quan và khoa học về những thành tựu của Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN trong 20 năm trở lại đây và trên cơ sở đó sẽ đề xuất một số định hướng đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN trong những thập niên tiếp theo.

2. Sơ lược về lịch sử nghiên cứu

Như đã nêu trên, chủ đề nghiên cứu về: “**Một số đóng góp của Việt Nam sau khi gia nhập tổ chức ASEAN**” không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn mang ý nghĩa khoa học quan trọng. Chủ đề này đã được các nhà chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục cũng như các nhà nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực quan tâm và đã có những tác phẩm, bài viết đăng trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành hoặc trong các kỷ yếu hội thảo khoa học viết về sự hình thành, phát triển của ASEAN nói chung và của Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở thu thập các nguồn tài liệu trong và ngoài nước, chúng tôi xin nêu ra một số công trình khoa học có liên quan đến chủ đề nghiên cứu như sau:

2.1 Ngoài nước

Một trong những tác phẩm có liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận văn

là cuốn: *Construting a Security Community in Southeast Asia: ASEAN and the problem of regional order*) “*Xây dựng Cộng đồng an ninh ở Đông Nam Á: ASEAN và vấn đề của trật tự khu vực*” của tác giả Amitav Acharya; (London and New York, 2001), cuốn sách đã nêu lên những kiến thức cơ bản về khung lý thuyết cho việc nghiên cứu xây dựng Cộng đồng ASEAN, nhất là về cơ sở lý luận của việc hình thành các nội dung, quy tắc ứng xử và xây dựng mô hình/ thể chế cho ASC.

Tương tự cuốn “*Tư duy ASEAN: Thay đổi tư duy marketing hướng tới cộng đồng ASEAN 2015*” của các tác giả Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Hooi Den Huan (người dịch: Lâm Đặng Cam Thảo), Nxb Thanh Niên – 2010 cũng có nhiều liên quan đến đề tài. Nội dung cuốn sách đã cung cấp những kiến thức khá toàn diện về chiến thuật và chiến lược khi cần áp dụng thị trường ASEAN gồm 3 phần chính: ASEAN nhìn từ trên xuống, bài học từ những công ty marketing của ASEAN và thực tiễn hoạt động marketing tại ASEAN.

Liên quan đến chủ đề nghiên cứu có tác phẩm: “*Đông Nam Á trong sự tìm kiếm Cộng đồng ASEAN*”, (*Southeast ASia in Search of an ASEAN Community*) của các tác giả Rodolfo, Severino, (Singapore ISE ASEAN - 2007), cuốn sách đã tập trung phân tích khá sâu sắc về các nhân tố tác động đến việc hình thành Cộng đồng ASEAN dựa trên sự phân tích của 3 trụ cột và sự tác động của từng trụ cột đến sự phát triển của Cộng đồng ASEAN.

Tại Trung Quốc, mặc dù chưa có nhiều tác phẩm bàn về sự hội nhập và những đóng góp của Việt Nam trong ASEAN song qua tìm hiểu, chúng tôi thấy có một số bài viết có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, chẳng hạn: “ *Sự ảnh hưởng của nước*

Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN” của nữ tác giả Hoàng Dĩ Đình đăng trên tạp chí “ Thông tin về khoa học và kinh tế ” tại trang 44 - 46 kỳ thứ 5, năm 2000, số tạp chí ISSN 1674-1723, Nxb Tạp chí Thông tin về khoa học và kinh tế; hoặc bài “ *Những vấn đề tồn tại và lợi ích của sự hợp tác giữa Việt Nam với ASEAN*” của nữ tác giả Triệu Phương Linh đăng trên tạp chí “ Tham khảo nghiên cứu quốc tế ” tại trang 31- 34 kỳ thứ 12, năm 2014, số tạp chí 2095-7149, Nxb Tạp chí Tham khảo nghiên cứu quốc tế; Những bài viết trên đã tập trung chủ yếu đề cập sự đến ra đời tổ chức ASEAN và quá trình Việt Nam; sau 20 năm gia nhập, Việt Nam từ một thành viên mới trở thành một quốc gia ảnh hưởng lớn mạnh trong khu vực, có tác động tích cực và trở thành một quốc gia trong những quốc gia phát triển nhanh nhất trong tổ chức này.

2.2 Trong nước

Liên quan đến chủ đề nghiên cứu có khá nhiều tác phẩm, sách chuyên khảo, bài viết đề cập đến sự hình thành và phát triển của ASEAN và sự gia nhập của Việt Nam cũng như những thành tựu đóng góp của Việt Nam vào ASEAN, chẳng hạn cuốn: “ *Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam và ASEAN*” của các tác giả Đỗ Như Khuê, Nguyễn Thị Loan Anh, xuất bản lần thứ nhất, Nxb Thống Kê, Hà Nội 1997, đã tập trung phân tích mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và ASEAN trên các lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, đầu tư, công nghiệp, vận tải, tài chính, ngân hàng và đồng thời cũng đưa ra các kiến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ này.

Tiếp đến là cuốn “ *Hội nghị quốc tế Tác động qua lại vì sự tiến bộ: Chính sách mới của Việt Nam và kinh nghiệm của các nước ASEAN*” của Viện KHXH

tại Tp.Hồ Chí Minh, Viện Quản lý kinh tế Trung ương, Viện Thông tin và tài nguyên Singapore, Nxb KHXH năm 1991, gồm tập hợp các bài phát biểu tại hội nghị quốc tế " Tác động qua lại vì sự tiến bộ: Chính sách mới của Việt Nam và kinh nghiệm của ASEAN" : Sự phát triển và tăng trưởng ở Đông Nam Á, Tương lai của Đông Nam Á năm 2000, đường lối mới của Việt Nam và kinh nghiệm của ASEAN, sự hòa nhập của Việt Nam vào ASEAN, những vấn đề còn tồn tại.

Liên quan đến chủ đề nghiên cứu, tác giả Đinh Xuân Lý có tác phẩm: “ *Tiến trình hội nhập Việt Nam – ASEAN* ”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, nội dung chủ yếu của cuốn sách đã phác họa được bức tranh toàn cảnh về quan hệ Việt Nam với tổ chức ASEAN từ khi ra đời cho đến nay. Bước đầu tác giả đánh giá ý nghĩa những quan điểm, chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước với khu vực, những thành tựu, những cơ hội cũng như những khó khăn thách thức của tiến trình Việt Nam hội nhập ASEAN. Bài học về thực hiện nhất quán và kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại của Đảng là nhân tố quyết định thành công việc mở rộng quan hệ Việt Nam - ASEAN.

Một trong những tác phẩm có nhiều liên quan đến chủ đề nghiên cứu là tác phẩm “ *35 năm ASEAN hợp tác và phát triển*” của các tác giả Uông Trần Quang, Kiều Văn Trung, Nguyễn Mạnh Hùng thuộc Trung tâm KHXH và NVQG, Viện Kinh tế thế giới. Nội dung tác phẩm đã đề cập và phân tích những thành tựu mà ASEAN đã đạt được trong 35 năm qua và những thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới trong những thập niên đầu thế kỷ 21, nhất là phác họa những nội dung cơ bản những thành tựu hợp tác ASEAN về thương mại, công

ng nghiệp, du lịch, nông nghiệp, tài chính, cơ sở hạ tầng, kinh tế và quản lý hành chính nhà nước. Hợp tác vì sự tiến bộ xã hội của các nước ASEAN. Hợp tác giữa ASEAN với quốc tế. Bên cạnh đó cuốn sách còn nói về sự hợp tác và phát triển của ASEAN trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Quan hệ Việt Nam- ASEAN.

Dưới tiêu đề: “*Việt Nam gia nhập ASEAN từ năm 1995 đến nay - Thành tựu, những vấn đề và triển vọng*” của các tác giả Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp (chủ biên), Nxb Chính trị quốc gia, năm 2012 cũng là tác phẩm có nhiều nội dung liên quan đến đề tài. Nội dung cuốn sách gồm các phần: Phần 1: Việt Nam gia nhập ASEAN và những nhân tố chủ yếu tác động đến quan hệ Việt Nam - ASEAN từ năm 1995 đến nay; Phần 2: Những thành tựu, khó khăn hạn chế và vấn đề đặt ra trong quan hệ Việt Nam- ASEAN từ năm 1995 đến nay; Phần 3: Triển vọng quan hệ Việt Nam- ASEAN và một số giải pháp tăng cường hiệu quả sự tham gia của Việt Nam trong hợp tác liên kết ASEAN đến năm 2020.

Tuy nhiên, qua khảo sát tôi nhận thấy, những đề tài nêu trên ít, nhiều có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, nhưng trong một chừng mực nào đó vẫn còn tản mạn, chưa tập trung nêu và phân tích những thành tựu của Việt Nam trong quá trình từ khi gia nhập ASEAN đến nay. Trên cơ sở khảo sát những thành tựu nghiên cứu đi trước, chúng tôi nhận thấy chưa có công trình nào đề cập có hệ thống và toàn diện về chủ đề nghiên cứu này. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài “***Một số đóng góp của Việt Nam sau khi gia nhập tổ chức ASEAN***” làm chủ đề nghiên cứu luận văn cao học của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

3.1 Mục đích nghiên cứu

- Đề tài tập trung nêu và phân tích về quá trình gia nhập của Việt Nam vào tổ chức ASEAN.
- Đề tài tập trung làm rõ những đóng góp của Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN từ năm 1995 đến 2015 trên các lĩnh vực hợp tác về chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục... trên cơ sở đó có thể khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trong tổ chức ASEAN với tư cách là một thành viên của tổ chức này.
- Đề tài tiếp tục nêu và phân tích những đóng góp của Việt Nam vào quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột chính là: *Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC)*; *Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)*; *Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC)*.

Thông qua nghiên cứu những đóng góp của Việt Nam trong Hiệp hội, đề tài cũng nêu lên những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong ASEAN và đặc biệt là những đóng góp quan trọng của Việt Nam trong tổ chức này nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ở khu vực.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

1. Nêu và phân tích khái quát sự ra đời của tổ chức ASEAN và quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN.
2. Tập trung làm rõ những đóng góp của Việt Nam về ba trụ cột: chính trị- an ninh, kinh tế, văn hóa xã hội sau khi gia nhập tổ chức ASEAN.

3. Nêu và phân tích những khó khăn, thuận lợi, thời cơ và thách thức của Việt Nam trong quá trình gia nhập ASEAN cũng như những đóng góp của Việt

Nam trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là sự ra đời của tổ chức ASEAN và quá trình Việt Nam gia nhập Hiệp hội ASEAN và những đóng góp của Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ giới hạn từ khi Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) tới nay. Bởi vì, trước thời điểm này, quan hệ hợp tác Việt Nam – ASEAN không nhiều và không ổn định. Từ sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN chủ động và bình đẳng, tiến tới mục đích hòa hợp và thịnh vượng chung cho khu vực.

5. Phương pháp nghiên cứu:

- Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nhất là dựa trên những quan điểm và đường lối của Đảng và nhà

nước Việt Nam.

- Phương pháp khu vực học và phương pháp lịch sử cũng được thực hiện trong quá trình nghiên cứu.

- Các phương pháp phân tích tổng hợp tư liệu, so sánh, đối chiếu cũng được sử dụng trong quá trình nghiên cứu của đề tài.

6. Đóng góp về lý luận và thực tiễn của luận văn

Năm nay là 20 năm kỷ niệm Việt Nam gia nhập ASEAN, tuy có rất nhiều công trình nghiên cứu về tổ chức ASEAN và vị thế, vai trò của Việt Nam trong

ASEAN, nhưng rất ít người nghiên cứu thông qua sự đóng góp của Việt Nam trong tổ chức này bằng một cách cụ thể và hệ thống và tác giả là người nước

ngoài. Vì vậy, đề tài này cũng có thể cung cấp một nguồn tư liệu cho người nước ngoài khác để nghiên cứu về sự hợp tác và quan hệ giữa nước Việt Nam với tổ chức ASEAN.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Sự ra đời của tổ chức ASEAN và quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN.

Chương 2: Đóng góp của Việt Nam về ba trụ cột: An ninh - Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội sau khi gia nhập tổ chức ASEAN

Chương 3: Một số đóng góp của Việt Nam vào quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN

Kết luận

CHƯƠNG 1

SỰ RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC ASEAN VÀ QUÁ TRÌNH VIỆT NAM GIA NHẬP ASEAN

1, Sự ra đời của tổ chức ASEAN

Trước khi Hiệp hội các nước Đông Nam Á được thành lập, ở Đông Nam Á đã có một vài cố gắng của các nước khu vực nhằm liên kết một số quốc gia Đông Nam Á trong một tổ chức chung.

Tiền thân của tổ chức ASEAN là Hiệp hội Đông Nam Á (Association of Southeast Asia – ASA), thành phần bao gồm Malaixia, Thái Lan và Philippin, được thành lập vào năm 1961.

Ý tưởng về một hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế cho Đông Nam Á được cựu Thủ tướng Malaixia Tuncu Abdul Rakhman đưa ra vào tháng 1 năm 1959

sau các buổi hội đàm của ông với tổng thống Philippin M. Carlos Garcia, theo đó dự kiến ngoài Malaixia và Philippin sẽ tham gia ký kết còn có cả Miến Điện, Campuchia, Indônêxia, Lào, Thái Lan và Việt Nam Cộng hòa (tức chính quyền thân Mỹ trước đây ở miền Nam Việt Nam). Nhưng các nước trung lập ở Đông Nam Á tỏ ra thận trọng đối với việc thành lập hiệp hội này. Miến Điện, Campuchia, Lào và Indônêxia đã từ chối gia nhập tổ chức trên.

Thể chế của ASA được xác định tại hội nghị ở Bangkok tháng 6 năm 1961. Tuyên bố Bangkok (được thông qua tại hội nghị) nêu những mục tiêu của tổ chức là: phát triển hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học giữa các nước hội viên.

Nhưng những mâu thuẫn trong tổ chức đã xuất hiện ngay sau đó. Năm 1962, giữa Malaixia và Philippin đã bùng nổ tranh chấp về chủ quyền đối với Xabah

(ở bắc Borneo) và Liên bang Malaixia thành lập tháng 9 năm 1963 đã bị Philippin và Indônêxia từ chối công nhận ngay. ASA lâm vào tình trạng khủng hoảng và tê liệt. Đối với khu vực, tổ chức ASA cũng ít có tác dụng vì số lượng hội viên hạn chế.

Đầu những năm 1960, kế hoạch thành lập nhóm nước gồm Malaixia, Philippin và Indônêxia gọi MAPHILINDO cũng đã không thành công. MAPHILINDO sớm chết yểu phần vì Indônêxia thi hành chính sách đối đầu với Liên bang Malaixia vì coi Liên bang Malaixia là sản phẩm của chủ nghĩa đế quốc thực dân, phần vì cơ sở dân tộc hạn chế của tổ chức – dựa trên các quốc gia chủng tộc Mã Lai.

ASA, MAPHILINDO không thành công, nhưng nhu cầu về một tổ chức hợp tác khu vực rộng lớn hơn đã trở nên bức xúc ở Đông Nam Á. Sau cuộc đảo chính không thành ở Indônêxia tháng 9 năm 1965, chính quyền quân sự của tướng Xuhácô lên nắm quyền đã có những thay đổi về chính sách đối ngoại, chú trọng nhiều hơn đến quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á và do vậy đã thổi luồng sinh khí mới vào xu hướng liên kết khu vực ở đây.

Ban lãnh đạo mới ở Indônêxia đã thi hành đường lối đối ngoại thân phương Tây, tiến tới bình thường hóa quan hệ với các nước có cùng chế độ chính trị trong khu vực. Một trong những bước đi đầu tiên của chính quyền mới ở Indônêxia là chấm dứt tình trạng đối đầu với Malaixia và điều đó đã đạt được nhờ sự trung gian hòa giải của Bộ trưởng Ngoại giao Thái Lan lúc đó là Thanat Khoman. Sự đối đầu giữa Malaixia và Indônêxia trên thực tế đã chấm dứt vào tháng 6 năm 1966 và đến tháng 8 năm đó hai nước đã ký hiệp định giảng hòa.

Cùng thời gian đó, mối quan hệ ngoại giao giữa Indônêxia và Philippin cũng đã được khôi phục lại. Trong những điều kiện đã thay đổi thuận lợi như vậy, một số cố gắng để khôi phục lại hoạt động của ASA lại được đưa ra. Tháng 3 năm 1966, tại Bangkok đã diễn ra hội nghị của ủy ban thường trực ASA và sau đó vào tháng 8 là hội nghị các Bộ trưởng ngoại giao để bàn về các dự án hợp tác kinh tế.

Việc chấm dứt tình trạng đối đầu giữa Indônêxia và Malaixia, xu hướng mở rộng quan hệ với các nước khu vực và phương tây của ban lãnh đạo mới của Indônêxia đã tạo điều kiện cho việc tăng cường và củng cố ASA. Nhưng Indônêxia vẫn từ chối không tham gia ASA. Các nước khu vực, nhất là Thái Lan, cố gắng lôi kéo Indônêxia, một nước lớn và đông dân nhất Đông Nam Á vào việc hợp tác khu vực cùng với họ. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo mới của Indônêxia cũng có nguyện vọng đưa đất nước ra khỏi tình trạng khó khăn do việc theo đuổi chính sách đối đầu với Malaixia và hạn chế quan hệ với các nước khu vực và phương tây trước đây. Do vậy, Indônêxia đã tỏ ra sẵn sàng tham gia vào hợp tác khu vực ở Đông Nam Á hơn.

Như vậy có thể nói rằng, sự thất bại của ASA, MAPHILINDO và sự thay đổi thể chế ở Indônêxia sau cuộc đảo chính quân sự năm 1965 là những nhân tố quan trọng dẫn đến sự ra đời của ASEAN. Tuy nhiên, sự ra đời của tổ chức hợp tác khu vực này còn do một số yếu tố bên ngoài cũng như tính toán riêng của từng nước hội viên.

Giữa các nước hội viên có điểm chung là họ đều chống lại tất cả các hình thức của chủ nghĩa đế quốc và nhấn mạnh đến chính sách đối ngoại độc lập. Sự

chống đối mạnh mẽ các cường quốc lớn tăng cường ảnh hưởng trong khu vực xuất phát từ thực tế lịch sử là hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) đều từng là thuộc địa của các cường quốc lớn và chỉ mới giành độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sau đó là thời kỳ các nước này xây dựng quốc gia – dân tộc, củng cố nền độc lập, đồng thời tập trung phát triển kinh tế. Trước sự leo thang của Mỹ trong chiến tranh ở Đông Dương trong những năm 1960, các nước ASEAN lo ngại rằng điều này có thể dẫn đến sự thống trị hoặc đụng đầu giữa một số nước lớn ở khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, các thành viên sáng lập ASEAN tin rằng cách tốt nhất để tránh sự thống trị của các cường quốc bên ngoài là đoàn kết các nước gần gũi về địa lý vào trong một tổ chức khu vực, nhấn mạnh đến hợp tác, tăng cường phát triển kinh tế và theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập.

Đồng thời, cũng cần thấy các trào lưu hình thành của chủ nghĩa khu vực trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai như sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC); Khu vực thương mại tự do Mỹ La Tinh (LAFTA); Thị trường chung Trung Mỹ (CACM)... đã tác động đến việc hình thành ASEAN. Từ kinh nghiệm của EEC, các nước ASEAN cũng như các nước trong các tổ chức khu vực trên đều thấy rằng việc hình thành các tổ chức khu vực sẽ giúp thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế thông qua tăng cường hợp tác kinh tế, buôn bán và phân công lao động. Về mặt chính trị, các tổ chức khu vực giúp củng cố tình đoàn kết khu vực và giúp các nước vừa và nhỏ có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong các vấn đề quốc tế. Còn về mặt xã hội, chủ nghĩa khu vực có thể đưa ra các phương hướng hợp tác để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội đặt ra cho các nước

thành viên.

Ngoài những yếu tố trên ra, một nguyên nhân không kém phần quan trọng dẫn đến sự thành lập ASEAN là các nước này đều phải lo đối phó với các phong trào chống đối trong nước và đều có chung mục tiêu là mong muốn ổn định để phát triển kinh tế, văn hóa...

Cuối năm 1966, Thanat Khoman, bộ trưởng ngoại giao Thái Lan bắt đầu chuyển đến bộ trưởng ngoại giao một số nước Đông Nam Á đề án lập “*một tổ chức Đông Nam Á về hợp tác khu vực*”. Nhưng đàm phán giữa các nước phải kéo dài, vì có nhiều bất đồng. Cuối cùng, các nước cũng đã chấp nhận một số quan điểm của Indônêxia nhằm tiến tới thành lập tổ chức ASEAN. Sau nhiều cuộc thảo luận, bộ trưởng ngoại giao năm nước Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo đã họp ở Bangkok vào ngày 8 tháng 8 năm 1967 và ra Tuyên bố Bangkok về việc thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Nhưng vấn đề hay gây bàn cãi và nghi ngờ về tính chất và mục đích của ASEAN trong những năm đó là: trong năm nước thành viên sáng lập ASEAN có Thái Lan và Philippin là hội viên của Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization – SEATO) – một tổ chức quân sự chống cộng và đều ký với Mỹ hiệp ước phòng thủ chung; vai trò của hai nước này trong cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành chống nhân dân các nước Đông Dương và bốn trong năm nước nói trên đều có căn cứ quân sự nước ngoài trên lãnh thổ của mình... Đánh giá về sự thành lập ASEAN, giới học giả các nước ASEAN đã viết :“*Nhân tố quan trọng ban đầu đưa đến sự thành lập ASEAN không phải là nhân tố kinh tế, mà là những tính toán về chính trị và an ninh*”. [17, tr.14]

Ngoài những điểm tương đồng cơ bản giữa các quốc gia tư sản Đông Nam Á, nhân tố thường trực đã đưa đến việc thành lập ASEAN là các nước này đều phải lo đối phó với các phong trào chống đối trong nước và đều có chung một mục tiêu là mong ổn định để phát triển kinh tế, văn hoá... Trước các khó khăn và thách thức mới của tình hình quốc tế và khu vực thì tổ chức ASEAN với tôn chỉ hòa hợp, đoàn kết rộng rãi như thể hiện quan Tuyên bố Bangkok là một yêu cầu cần thiết xuất phát từ nguyện vọng của các nước khu vực hợp tác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Nó thúc đẩy quan hệ hữu nghị, giải quyết ổn thỏa hoặc ít nhất là giảm nhẹ các mâu thuẫn và tranh chấp giữa các hội viên, để có thể tập trung sức đối phó với các thách thức đối nội, đối ngoại và giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong từng nước. ASEAN có sự phối hợp chính sách và hoạt động ngoại giao giữa các nước hội viên với nhau để có chiến lược và sách lược thống nhất, phù hợp, nhằm ngăn chặn nguy cơ xâm lược, lật đổ, can thiệp từ bên ngoài, ngăn chặn một cường quốc khác thay thế ảnh hưởng của Mỹ ở Đông Nam Á, tạo điều kiện để duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực, dù tình hình và so sánh lực lượng trong khu vực có sự thay đổi. ASEAN tranh thủ Mỹ và Anh tiếp tục duy trì cam kết phòng thủ đối với khu vực, đồng thời dùng các chính sách hòa bình và hợp tác, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn để củng cố và nâng cao tiếng nói của tổ chức.

Bên cạnh các mục tiêu hợp tác chung nói trên, mỗi quốc gia thành viên ASEAN đều tìm cách theo đuổi ý đồ riêng của mình. Về phía Indônêxia, sau khi có sự thay đổi lãnh đạo, chính quyền mới đã có “cách nhìn mới” trong chính sách đối ngoại. Thay vì tập trung vào Nhóm Á – Phi như của chính quyền

Xucácno trước đây, chính quyền mới của tổng thống Xuhactô bắt đầu chú ý nhiều hơn đến khu vực Đông Nam Á và tìm cách nắm “vai trò lãnh đạo” trong khu vực. Indônêxia nhận thức rằng việc tham gia một tổ chức khu vực không gắn với bất cứ cường quốc bên ngoài nào như ASEAN sẽ giúp Indônêxia thi hành một chính sách đối ngoại tích cực và độc lập thực sự. Sự thay đổi chính sách này cũng sẽ giúp cho các nước phương tây hiểu rõ hơn thái độ không liên kết của Indônêxia. Mặt khác, các nước thành viên ASEAN khác muốn lôi kéo Indônêxia và ASEAN để làm cho ASEAN vững mạnh, có thể lực và uy tín đối với thế giới, có thể tồn tại và phát triển lâu dài.

Điều đáng nói là tuy vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn và tranh chấp, nhưng điểm đồng giữa họ cũng rất lớn. Những điểm đồng đó là: những người lãnh đạo chính quyền các nước ASEAN đều có mong muốn phát triển kinh tế, văn hóa, trở thành phần vinh, và đều có nhu cầu bảo vệ ổn định, an ninh và chủ quyền của mình chống lại các nguy cơ bên trong và bên ngoài, chống lại sức ép, sự can thiệp và khống chế của các nước lớn đối với từng nước và toàn bộ khu vực. Đồng thời, xu hướng liên kết và hợp tác khu vực cũng bắt đầu xuất hiện ở Đông Nam Á cùng của thế giới tiến tới liên kết khu vực với sự ra đời của một loạt các tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới trong những năm 1960, 1970, kết hợp với diễn biến của tình hình khu vực và quan hệ giữa các nước lớn, đã từng bước thúc đẩy và đưa đến việc thành lập ASEAN.

Phân tích trên cho thấy những ưu tiên và mục tiêu đầu tiên của các nước khi tham gia ASEAN là sự ổn định về an ninh chính trị vì muốn có sự tin cậy, bảo đảm về an ninh từ các nước láng giềng, và sự hợp tác kinh tế, thương mại – nền

tăng của hợp tác khu vực – để đảm bảo ổn định và an ninh. Một nguyên nhân khác không kém phần quan trọng trong việc các nước tham gia ASEAN là trong thương lượng, đàm phán với các nước lớn, các tổ chức quốc tế... thì với tư cách là một tổ chức khu vực, thế “mặc cả” của các nước ASEAN sẽ tăng lên rất nhiều và thông qua ASEAN các nước thành viên có thể phát huy tối đa sức mạnh của mình.

Tuy nhiên, do các nước thành viên có quy mô khác nhau, những vấn đề và ưu tiên phát triển, hợp tác khác nhau, cộng với ảnh hưởng của các mâu thuẫn xung đột trong quá khứ nên ban đầu vẫn còn nhiều lo ngại, nghi kỵ và do dự giữa các nước ASEAN với nhau và những hoài nghi về mục tiêu cũng như sự thành công của ASEAN từ các nước bên ngoài tổ chức. Nhưng quá trình hợp tác khá thành công của các nước ASEAN theo các mục tiêu đề ra đã từng bước tháo gỡ dần những trở ngại đó.

Trong Tuyên bố Bangkok thành lập ASEAN ngày 8 tháng 8 năm 1967 có nêu rõ mục tiêu chính trị cơ bản của ASEAN là bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển của toàn khu vực Đông Nam Á và từng nước ASEAN. ASEAN đại diện cho ý chí tập thể của các nước Đông Nam Á gắn bó với nhau, phấn đấu đảm bảo cho nhân dân và các thế hệ mai sau có hòa bình, tự do và thịnh vượng. Tuyên bố cũng không bao gồm điều khoản hỗ trợ về quốc phòng, mà đề cao sự hợp tác chính trị, kinh tế giữa các nước trong khu vực. Và đó là chỗ khác cơ bản của ASEAN so với SEATO.

Nội dung Tuyên bố Bangkok thành lập ASEAN là thúc đẩy hợp tác hữu nghị giữa các nước Đông Nam Á, chống lại sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất cứ

hình thức nào và biểu hiện nào, giữ vững bản sắc dân tộc: mọi căn cứ quân sự chỉ là tạm thời và chỉ tồn tại với sự đồng ý của các nước hữu quan. Không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để làm hại đến độc lập và tự do của các quốc gia trong khu vực.[17, tr.18]

Với danh nghĩa là tổ chức của các quốc gia Đông Nam Á và với mục tiêu liên kết và thúc đẩy hợp tác giữa các nước trong khu vực. Tuyên bố Bangkok thành lập ASEAN có đoạn viết: *“Tất cả các quốc gia khác ở Đông Nam Á đều có thể tham gia Hiệp hội nếu như họ chấp nhận các mục đích và nguyên tắc của ASEAN.”* [17, tr.19]

Việc Tuyên bố Bangkok nói các nước trong khu vực có thể tham gia ASEAN là điều quan trọng, thể hiện nguyện vọng của ASEAN muốn bao quát toàn khu vực Đông Nam Á, đồng thời cũng là điều dự phòng để đối phó với những thay đổi cơ bản không dự kiến trước được về tình hình Đông Dương nói riêng và khu vực nói chung.

Trên cơ sở đó, điều quan trọng là ASEAN, theo đánh giá của một nhà nghiên cứu phương Đông của Nga, đã *“thành lập được nhóm hạt nhân các nước Đông Nam Á chính thức nhận lấy trách nhiệm củng cố hợp tác khu vực. Hơn nữa, lần đầu tiên nhóm hạt nhân năm quốc gia này đã có thể đòi quyền đại diện cho lợi ích của Đông Nam Á như một khu vực... Nhóm nước này có thể được mở rộng bằng cách kết nạp thêm các nước khác của khu vực theo sự chuẩn bị của họ cho bước đi như vậy”*. [17, tr.20]

Với những mục tiêu và nội dung hợp tác ban đầu như đã nêu, Tuyên bố Bangkok không chỉ là một hiệp ước có tính pháp lý, ràng buộc chặt chẽ các hội

viên và biến tổ chức ASEAN thành một thực thể pháp lý, như tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) mà còn là một thỏa thuận lỏng lẻo, mức độ ràng buộc thấp.

Cơ cấu tổ chức của ASEAN cũng cho thấy ASEAN không phải là một tổ chức siêu quốc gia, chỉ đạo các hội viên, mà là cơ quan phối hợp các hoạt động của các nước hội viên, dung hòa quyền lợi dân tộc giữa họ với nhau và giữa từng nước hội viên với quyền lợi tập thể của cả năm nước. Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao của các nước ASEAN được nhóm họp hàng năm theo định kỳ và khi cần thiết có thể triệu tập hội nghị bất thường. Mọi vấn đề liên quan đến tổ chức và các nước hội viên được quyết định theo nguyên tắc nhất trí. Một ủy ban thường trực chủ trì công việc của tổ chức trong thời gian giữa hai cuộc họp Bộ trưởng ngoại giao được thành lập gồm chủ tịch là Bộ trưởng ngoại giao của các nước đăng cai cuộc họp. Ngoài ra, còn có các tiểu ban đặc biệt và ủy ban thường trực gồm các chuyên viên, quan chức về từng vấn đề. Mỗi nước hội viên đều lập một ban thư ký quốc gia để thay mặt nước đó tiến hành công việc trong ASEAN.

So với ASA và MAPHILINDO thì ASEAN là một bước tiến mới trong sự cố gắng chung của các nước Đông Nam Á tiến tới thành lập một tổ chức hợp tác khu vực. Mục tiêu hợp tác, nguyên tắc hoạt động và cơ cấu tổ chức cũng rõ ràng và quy củ hơn. Cùng với thời gian, những biến đổi của tình hình thế giới, khu vực và của chính ASEAN, cơ cấu của tổ chức cũng ngày càng được cải tiến và hoàn thiện hơn để đáp ứng với tình hình và sự phát triển của ASEAN.

Đến nay, ngoài những nguyên tắc cơ bản xử lý quan hệ giữa các nước thành viên được ghi nhận trong Hiệp ước Bali như: tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn

ven lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; không dùng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực..., ASEAN còn có một số nguyên tắc khác để điều phối hoạt động của Hiệp hội như:

- Nguyên tắc nhất trí thể hiện ở việc mọi quyết định chỉ được coi là của ASEAN khi được tất cả các nước thành viên thông qua.

- Nguyên tắc bình đẳng thể hiện trong việc tất cả các nước thành viên đều bình đẳng như nhau về nghĩa vụ đóng góp cũng như chia sẻ quyền lợi. Bộ máy tổ chức của ASEAN cũng được bổ sung và hoàn thiện dần, hình thành những hệ thống cơ quan sau:

Các cơ quan hoạch định chính sách:

- Hội nghị cấp cao ASEAN họp chính thức ba năm một lần từ năm 1992. nhưng từ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 5 tại Bangkok (tháng 12 năm 1995) các nước thành viên ASEAN đã quyết định có các hội nghị không chính thức xen kẽ các hội nghị chính thức.

- Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao các nước ASEAN(AMM) họp hàng năm.

- Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) họp hàng năm.

- Hội nghị Bộ trưởng các ngành được nhóm họp khi cần thiết.

- Các hội nghị Bộ trưởng khác.

- Hội nghị liên Bộ trưởng (JMM) được tổ chức khi cần thiết.

- Ban thư ký ASEAN, đứng đầu là tổng thư ký.

- Cuộc họp của các quan chức cấp cao (SOM).

- Cuộc họp của các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM).
- Cuộc họp các quan chức cao cấp khác.

2. Quá trình Việt Nam gia nhập vào ASEAN

2.1. Thời kỳ 1967-1978

Trong giai đoạn 1967-1972, ASEAN mới được thành lập, hoạt động phối hợp chung giữa các nước trong tổ chức này hầu như chưa có gì nổi bật. Lúc này thế giới đang diễn ra Chiến tranh lạnh và tình trạng đối đầu giữa hai hệ thống thế giới. Các nước ASEAN cũng bị tình hình trên tác động mạnh và một số nước, ở những mức độ khác nhau có dính líu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Những biến đổi của tình hình thế giới và khu vực cuối những năm 1960, đầu những năm 1970 đã buộc các nước ASEAN phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình.

Tháng 11 năm 1971, tại Cuala Lămpơ (Malaixia), Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN đã ký kết và đưa ra Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập ở Đông Nam Á (Tuyên bố ZOPFAN). Sau Tuyên bố này, một số nước ASEAN đã bắt đầu thăm dò khả năng quan hệ với Việt Nam trên một số lĩnh vực. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai bên trong giai đoạn này vẫn chưa có tiến triển đáng kể.

Vào cuối những năm 1960, đầu năm 1970, ở khu vực đã diễn ra một số chuyển biến có ý nghĩa chiến lược, trong đó sự kiện quan trọng nhất là sự thất bại đã trở nên rõ ràng của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, được đánh dấu bằng cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân (1968) của Việt Nam. Sau sự kiện này, Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Việt Nam ở Pari (10 – 5 -1968) và

chuyển sang thực hiện Học thuyết Nixon (25-7-1969), chủ trương giảm bớt các cam kết của Mỹ ở châu Á, thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh, chuẩn bị rút dần quân khỏi Việt Nam và Đông Nam Á. Ngày 28-9-1969, Mỹ và Thái Lan bắt đầu thương lượng về việc Mỹ rút 48.000 quân khỏi Thái Lan.

Trong khi ảnh hưởng của Anh và Mỹ bị suy giảm ở khu vực, thì ảnh hưởng của Liên Xô (trước đây) và Trung Quốc lại tăng lên. Vị thế của Trung Quốc ngày càng được khẳng định trong khu vực và trên thế giới đã có thể gây áp lực đối với các chính quyền ASEAN. Còn Liên Xô bắt đầu triển khai chiến lược châu Á của mình để đối phó với khả năng liên kết Trung – Mỹ cũng như mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của nhân dân các nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là những nhân tố tác động sâu sắc tới cục diện Đông Nam Á vào cuối những năm 1960, đầu 1970 buộc các nước ASEAN phải tính toán lại chiến lược của mình.

Một trong những biểu hiện đầu tiên của quá trình điều chỉnh chiến lược này là tháng 2 năm 1969, Thủ tướng Malaixia đưa ra khái niệm trung lập hóa Đông Nam Á. Các nước ASEAN, nhất là những nước có quan hệ chặt chẽ với Mỹ và có đưa quân vào Việt Nam, đã không tán thành ngay khái niệm này. Nhưng dưới sức ép của tình hình mới, tháng 11 năm 1971, họ đã đưa ra Tuyên bố về thành lập khu vực hòa bình, tự do và trung lập ở Đông Nam Á (ZOPFAN). Tuyên bố này về hình thức, tạo ra một sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của các nước ASEAN: từ chỗ là đồng minh phụ thuộc vào Mỹ, nay muốn tách ra, đứng ngoài cuộc tranh giành giữa các nước lớn. Về thực chất, nó là một phương cách để

thực hiện chính sách không liên kết với các nước lớn, tiếp tục duy trì sự tồn tại của các nước ASEAN trong tình hình mới...

Trong quan hệ với Việt Nam, tuyên bố này cũng đánh dấu sự chấm dứt việc các nước ASEAN ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Thực ra trước đó, do tình thế thất bại của Mỹ - ngụy quyền Sài Gòn, các nước ASEAN đã phải giảm thiểu sự dính líu của mình vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Tháng 10 năm 1969, Philippin công bố kế hoạch rút một phần quân và tháng 12 năm 1969 đã rút hơn một nghìn công dân khỏi Việt Nam. Theo chiều hướng chung, tháng 9 năm 1970, Thái Lan cũng bắt đầu rút 12.000 quân khỏi Việt Nam. Đến cuối năm 1970, Malaixia đã đình chỉ việc đào tạo cảnh sát và cố vấn cho ngụy quyền Sài Gòn và đầu năm 1972 đã từ chối yêu cầu của ngụy quyền Sài Gòn đề nghị Malaixia lên án cuộc tấn công của quân và dân Việt Nam ở miền Nam Việt Nam. Xingapo tỏ thái độ hữu nghị với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng cách để cho Việt Nam đặt cơ quan Tổng công ty xuất nhập khẩu (tháng 7-1971)...

Bên cạnh việc chấm dứt dính líu vào cuộc chiến tranh Việt Nam, năm 1972, một số nước ASEAN như Philippin, Malaixia, Xingapo đã bắt đầu thăm dò khả năng phát triển quan hệ với Việt Nam, cả về kinh tế, thương mại và ngoại giao.

Giai đoạn 1973-1978, tình hình khu vực có nhiều chuyển biến lớn, dẫn đến sự đảo lộn mạnh mẽ trong cán cân lực lượng ở đây. Tháng 1-1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Tháng 8-1973, Mỹ buộc phải chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Đông Dương. Xu thế hòa bình, trung lập ở khu vực phát triển mạnh, nổi bật là phong trào đấu tranh của sinh viên, thanh niên trí thức Thái Lan chống đế quốc đã đưa đến sự sụp đổ

của chế độ độc tài quân sự thân Mỹ Thanom vào tháng 10-1973. Chính quyền mới ở Thái Lan đã yêu cầu Mỹ rút quân khỏi Thái Lan... Những sự kiện trên đây đã buộc các nước ASEAN phải điều chỉnh mạnh mẽ chính sách đối ngoại của mình.

Trên bình diện quốc tế, các nước ASEAN đã đẩy mạnh quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Trung Quốc và Liên Xô, thực hiện chính sách cân bằng giữa các nước lớn. Ngày 22-6-1973, tại Liên hợp quốc, Malaixia là nước ASEAN đầu tiên đã gặp Trung Quốc ở cấp Đại sứ để bàn về vấn đề lập quan hệ ngoại giao. Đến tháng 5-1974, Malaixia và Trung Quốc chính thức lập quan hệ ngoại giao. Ngày 20-12-1974, Thái Lan quyết định bình thường hóa quan hệ thương mại với Trung Quốc và ngày 22-12-1974, Thứ trưởng Ngoại giao Thái Lan đi Trung Quốc bàn về việc lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Trên bình diện khu vực, các nước ASEAN cũng có nhiều cử chỉ thân thiện hơn, tạo cơ sở cho việc đặt quan hệ với Việt Nam. Tháng 3-1973, Philippin và Thái Lan rút hết quân đội khỏi Nam Việt Nam; tháng 7-1974, Thái Lan thỏa thuận xong với Mỹ việc hạn chế Mỹ sử dụng các căn cứ quân sự ở Thái Lan chống lại các nước Đông Dương. Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN họp ngày 15-2-1973, các nước ASEAN kêu gọi chương trình viện trợ kinh tế cho các nước Đông Dương và thành lập Ủy ban phối hợp các nước ASEAN về việc tái thiết và khôi phục lại các nước Đông Dương.

Về phía Việt Nam, từ sau khi ký Hiệp định Pari năm 1973, Việt Nam bắt đầu tích cực triển khai chính sách khu vực, đẩy mạnh quan hệ song phương với các nước thuộc tổ chức ASEAN. Tháng 3-1973, Việt Nam lập quan hệ ngoại giao

với Malaixia và tháng 8-1973 lập quan hệ ngoại giao với Xingapo. Trong năm 1974 và 1975 Việt Nam đã đón một số đoàn từ các nước ASEAN như đoàn Tổ chức Á - Phi của Malaixia (tháng 12-1974), đoàn 16 hạ nghị sĩ Thái Lan (tháng 11-1975). Cũng trong thời gian này, Việt Nam đã xúc tiến đàm phán lập quan hệ ngoại giao với Philippin và Xingapo.

Chính sách ngoại giao của Việt Nam đối với khu vực Đông Nam Á lần đầu tiên được thể hiện rõ ràng trong chính sách 4 điểm tháng 7-1976, trong đó nêu lên những nguyên tắc cơ bản cho việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước Đông Nam Á như: tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, cùng tồn tại trong hòa bình không để lãnh thổ của mình cho nước ngoài sử dụng, giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng phát triển hợp tác khu vực.

Để tranh thủ sự ủng hộ cho chính sách trên, tháng 7-1976, Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phan Hiền đã lần lượt đi thăm Philippin, Xingapo, Indônêxia, Malaixia và các nước ASEAN đều tuyên bố ủng hộ chính sách 4 điểm của Việt Nam. Trong thời gian này quan hệ ngoại giao Việt Nam - Malaixia đã được thiết lập và phía Malaixia đã hứa giúp Việt Nam khôi phục kinh tế theo khả năng của họ, đặc biệt là trong lĩnh vực cao su. Tháng 8-1976, Việt Nam và Thái Lan cũng thỏa thuận lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Như vậy, đến tháng 8-1976, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với tất cả các nước thành viên ASEAN. Trong các năm 1977 và 1978, quan hệ song phương của Việt Nam với từng nước ASEAN đã phát triển mạnh mẽ với các chuyến thăm hữu nghị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm 5 nước ASEAN (tháng 9 và tháng 10-1978) và của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh thăm 5 nước ASEAN (tháng

12-1977 và tháng 1-1978). Trong các chuyến đi, giữa Việt Nam và các nước ASEAN đã ký nhiều hiệp định về hợp tác kinh tế thương mại, hợp tác khoa học kỹ thuật, hàng không, hàng hải. Đặc biệt trong chuyến thăm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Việt Nam và các nước này đều ra thông cáo chung nêu lên các nguyên tắc chỉ đạo (quan hệ chung sống hòa bình). Ngoài ra, Việt Nam còn cử nhiều đoàn đại biểu của các ngành triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể khác.

Việt Nam đã lần lượt lập Đại sứ quán tại Manila (11-1976), Cuala Lămpo (7-1977), Bangkok (2-1978) và các nước Philippin, Malaixia, Thái Lan cũng đã lập Đại sứ quán Việt Nam vào các thời điểm tương ứng. Các cuộc đàm phán với Indônêxia về thêm lục địa chồng lấn ở cấp chuyên viên cũng bắt đầu được xúc tiến.

Có thể nói trong thời kỳ này quan hệ Việt Nam với các nước ASEAN phát triển tốt đẹp hơn so với trước đó. Việt Nam đã từng bước đặt nền móng cho quan hệ Việt Nam với các nước ASEAN.

Tuy nhiên ở giai đoạn này, Việt Nam vẫn chưa có quan hệ hợp tác với tổ chức ASEAN. Ngày 18-4-1973, tại Hội bất thường các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN họp tại Patstaya (Thái Lan), Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được mời tham dự với tư cách quan sát viên, và năm 1974, Indônêxia lại mời Việt Nam tham gia Hội nghị AMM lần thứ bảy ở Giacácta. Nhưng cả hai lần, phía Việt Nam đều từ chối tham dự vì trong số các bên được mời có cả ngụy quyền Sài Gòn.

2.2. Thời kỳ 1979-1991

Giai đoạn 1979-1988, sau khi xuất hiện vấn đề Campuchia, quan hệ giữa

Việt Nam với các nước ASEAN chuyển sang đối đầu, quan hệ song phương của Việt Nam với từng nước ASEAN giảm xuống mức rất thấp.

Trong giai đoạn này, Việt Nam vừa đấu tranh với ASEAN về vấn đề Campuchia và triển khai đấu tranh ngoại giao, gắn việc giải quyết vấn đề Campuchia với việc xây dựng khu vực hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại để đẩy lùi sự đối đầu, phân hóa liên minh chống Việt Nam.

Xuất phát từ chính sách trên, cùng với việc đưa ra các đề nghị giải quyết vấn đề Campuchia, Việt Nam đã đưa ra nhiều đề nghị về hòa bình và hợp tác ở Đông Nam Á. Tại cuộc Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương (từ tháng 1-1980 đến tháng 8-1986), Việt Nam đã đưa ra một loạt các đề nghị sau:

- Tháng 1-1980, Việt Nam đề nghị ký hiệp định không xâm lược giữa các nước Đông Nam Á và sẵn sàng thảo luận việc lập một “khu vực Đông Nam Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh” (thực chất là chấp nhận ZOPFAN) với các nước ASEAN.

- Tháng 1-1981, Việt Nam đề nghị họp hội nghị khu vực giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN.

- Tháng 9-1981, tại Liên hợp quốc, Lào thay mặt ba nước Đông Dương đưa ra 7 nguyên tắc chỉ đạo quan hệ giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN “Vì một Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác”.

- Tháng 7-1982, Việt Nam tuyên bố đơn phương rút một số quân khỏi Campuchia, đồng thời đề nghị họp “Hội nghị quốc tế về Đông Nam Á” với sự tham gia của hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN.

- Tháng 3-1983, theo đề nghị của Việt Nam, Hội nghị cấp cao không liên kết

lần thứ bảy ở Niu Đêli đã ra nghị quyết kêu gọi tất cả các nước Đông Nam Á tiến hành đối thoại để giải quyết mọi bất đồng và sớm hình thành ZOPFAN.

- Tháng 7-1983, Việt Nam đối thoại không có điều kiện tiên quyết giữa hai nhóm nước và lấy đề nghị của ASEAN về ZOPFAN làm cơ sở để thảo luận về việc biến Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định.

- Tháng 4-1985, Việt Nam khẳng định lại đề nghị triệu tập hội nghị quốc tế bàn tất cả các vấn đề có liên quan đến hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á bao gồm các nước trong và ngoài khu vực liên quan trực tiếp hoặc đã đóng góp vào hòa bình ổn định ở khu vực.

Tại Diễn đàn Liên hợp quốc, từ năm 1980 đến năm 1985, hàng năm Việt Nam, Lào cùng với một số nước bạn bè đều nêu vấn đề “ hòa bình, ổn định và cùng hợp tác ở Đông Nam Á” nhằm thúc đẩy xu hướng đối thoại giữa Đông Dương và ASEAN đối lại vấn đề tình hình Campuchia do ASEAN đưa ra tại diễn đàn này.

Tuy nhiên, tất cả các đề nghị nêu trên về đối thoại và hợp tác khu vực đều không được ASEAN chấp nhận với lý do vấn đề Campuchia là nguyên nhân chủ yếu gây mất ổn định khu vực, phải giải quyết vấn đề Campuchia trước rồi mới giải quyết vấn đề hòa bình, hợp tác khu vực.

Giai đoạn này có thể nhận thấy có hai nhóm nước tách biệt phản ánh lợi ích an ninh và quan niệm về mối đe dọa về an ninh khác nhau trong các nước ASEAN. Một nhóm tỏ ra lo ngại về nguy cơ cơ bản và lâu dài là Trung Quốc đối với khu vực, do vậy chủ trương đối thoại với Việt Nam nhằm tìm một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia. Nhóm nước còn lại chủ trương dựa vào Trung

Quốc gây sức ép toàn diện với Việt Nam.

Đầu năm 1984, tình hình bắt đầu có thay đổi. Mặc dù chịu nhiều sức ép song chính quyền cách mạng Campuchia vẫn đứng vững và đến mùa khô 1984-1985 còn đạt được thắng lợi lớn về quân sự. Trong khi đó Việt Nam vẫn đang thực hiện việc rút quân từng phần (bắt đầu từ năm 1982). Còn trên bình diện quốc tế, quan hệ Xô - Mỹ, Xô - Trung bắt đầu được cải thiện, gây nguy cơ các nước lớn sẽ vượt lên trước ASEAN để giải quyết vấn đề Campuchia.

Trong bối cảnh đó, sự phân hóa giữa các nước ASEAN ngày càng rõ nét hơn. Indônêxia và Malaixia muốn thoát ra và vượt lên trên vấn đề Campuchia để giải quyết các vấn đề rộng lớn hơn của khu vực. Tháng 9-1984, Indônêxia và Malaixia bắt đầu nêu ra sáng kiến thực hiện khu vực phi vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á, coi đó là một phần quan trọng để thực hiện ZOPFAN mà không chờ kết thúc vấn đề Campuchia.

Những chuyển biến quan trọng trong chính sách của ASEAN đối với Việt Nam được đánh dấu bằng việc tại Hội nghị AMM tháng 2-1985, các nước ASEAN đã nhất trí cử Indônêxia làm đại diện đối thoại với các nước Đông Dương, khẳng định xu thế đối thoại giữa hai nhóm nước ở Đông Nam Á.

Giai đoạn 1988-1991, quan hệ Việt Nam – ASEAN có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở quyết định của Hội nghị AMM, tháng 7-1987 đã diễn ra cuộc gặp đối thoại đầu tiên giữa Việt Nam và Indônêxia tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc gặp trên đã dẫn đến việc ra đời các hội nghị không chính thức về Campuchia: JIM-1(7-1988), JIM-2 (2-1989) và cuộc gặp không chính thức IMC (2-1990) tại Giacácta nhằm thảo luận một cách cởi mở và tìm ra một giải pháp

chính trị cho vấn đề Campuchia.

Tại Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986), đề ra một đường lối đổi mới toàn diện, trong đó Việt Nam chủ trương thực thi chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ. Thực hiện đường lối này, Việt Nam đã rút hết quân khỏi Campuchia, trở ngại lớn nhất trong quan hệ hai bên đang dần được gỡ bỏ, vấn đề Campuchia đi dần vào giải pháp hòa bình. Trong tình hình đó, các nước ASEAN bắt đầu phát triển quan hệ song phương với Việt Nam và hoan nghênh việc Việt Nam tham gia vào hợp tác khu vực. Tháng 12-1987, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ ba họp tại Manila, Tổng thống Philippin Aquino tuyên bố không coi Việt Nam là mối đe dọa đối với Philippin. Tiếp đó, tháng 2-1983, Bộ trưởng Ngoại giao Philippin tuyên bố “không chống việc Việt Nam gia nhập ASEAN”. Còn Thủ tướng Thái Lan Chatchai khi lên cầm quyền tháng 8-1988 đã đưa ra chủ trương biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường. Chính sách trên của Thái Lan đã được Thủ tướng Malaixia tuyên bố ủng hộ (6-1989). Về phần mình, Việt Nam cũng luôn bày tỏ lòng mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước ASEAN.

Sự xích lại gần nhau giữa Việt Nam và ASEAN có thêm những nhân tố thúc đẩy mới bởi thái độ của Việt Nam kiên trì chính sách đàm phán để giải quyết mọi tranh chấp về lãnh thổ với các nước láng giềng, cùng với việc Việt Nam giữ đúng cam kết rút hết quân khỏi Campuchia trước thời hạn vào năm 1988, mặc dù lúc đó chưa đạt được giải pháp về vấn đề Campuchia. Điều đó đã tạo dựng được lòng tin vào thiện chí của Việt Nam trong chính sách tăng cường hợp tác ở khu vực. Quan hệ Việt Nam – ASEAN được đẩy mạnh trong năm 1989 và các

năm tiếp theo. Sự kiện chính trị nổi bật và quan trọng nhất trong quan hệ hai bên là việc Tổng thống Indônêxia Xuhácô, nguyên thủ một nước thành viên ASEAN đầu tiên thăm Việt Nam. Tiếp đó là các chuyến viếng thăm của Thủ tướng Xingapo và Thái Lan... Các quan chức và các học giả ASEAN cũng bắt đầu thể hiện thiện chí và mong muốn có sự hội nhập của Việt Nam và các nước Đông Dương khác vào khu vực Đông Nam Á. Tháng 1-1989, tại Hội nghị bàn tròn các nhà báo châu Á - Thái Bình Dương ở thành phố Hồ Chí Minh, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh tuyên bố: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẵn sàng phát triển quan hệ hữu nghị với các quốc gia ASEAN và các nước khác trong khu vực*”. Cũng tại hội nghị này, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố: “*Việt Nam sẵn sàng gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á*” [2, tr.156] Tại JIM-2(2-1989), Việt Nam và Lào tuyên bố sẵn sàng tham gia Hiệp ước Bali (1976) của ASEAN.

Qua việc giải quyết vấn đề Campuchia và nêu cao vấn đề hợp tác khu vực, sự đoàn kết ASEAN và vai trò của tổ chức ASEAN ngày càng được củng cố và tăng cường ở khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó những cố gắng của Việt Nam, Lào, Indônêxia, Malaixia và các quốc gia Đông Nam Á khác trong việc tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho vấn đề Campuchia, xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình và ổn định cho thấy Việt Nam và các nước ASEAN ngày càng ý thức được vai trò của mình trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực. Những diễn biến mới trong tình hình quốc tế và khu vực cũng đã tạo thêm điều kiện *làm lợi để thúc đẩy xu hướng tích cực* trên quan hệ Việt Nam – ASEAN bắt đầu có những biến chuyển tích cực và việc Hiệp định Pari về

Campuchia được ký kết tháng 10-1991 đã đánh dấu sự chấm dứt của “thời kỳ Campuchia”, trong quan hệ Việt Nam – ASEAN mở ra một thời kỳ mới – thời kỳ của hợp tác hai bên.

2.3 Thời kỳ từ 1992 đến khi gia nhập ASEAN

Cùng với việc kết thúc Chiến tranh lạnh, ở Đông Nam Á, việc ký kết Hiệp định hòa bình Pari về Campuchia (tháng 10-1991) đã đặt ra cho cả Việt Nam lẫn các nước ASEAN nhiều cơ hội và thách thức mới.

Lần đầu tiên sau nhiều năm chiến tranh, xung đột, đối đầu, tất cả các quốc gia và nhân dân trong khu vực đã có những cơ hội thật sự để phát triển nhằm thiết lập một nền hòa bình bền vững và lâu dài cũng như vun đắp cho tình hữu nghị và thịnh vượng chung ở khu vực, cơ hội để khởi xướng tăng cường và phát triển sự hợp tác vì tiền bộ chung, chuẩn bị để bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ châu Á- Thái Bình Dương.

Bên cạnh những cơ hội nói trên, không ít thách thức cũng xuất hiện ở khu vực mà cả Việt Nam và ASEAN đều phải đối phó. Sự tan rã của Liên Xô đã làm mất đi thế hai cực trong quan hệ quốc tế đưa đến sự thay đổi trong cán cân lực lượng trên thế giới và ở khu vực. Ở Đông Nam Á, cả Mỹ và Nga đều bắt đầu giảm thiểu sự hiện diện quân sự của mình ở khu vực. Việc này đã tạo ra một khoảng trống quyền lực ở khu vực. Những cố gắng nhằm đẩy mạnh vai trò cả về chính trị, kinh tế, quân sự của một vài cường quốc châu Á đã làm tăng mối lo ngại truyền thống trong các nước ASEAN và các nước Đông Nam Á khác về một nguy cơ thật sự đối với khu vực. Hơn nữa, sự rút lui của Mỹ đã làm mất đi chỗ dựa truyền thống về an ninh của các nước ASEAN, trong khi vấn đề

Campuchia chưa phải đã thật sự chấm dứt và bên cạnh đó lại nảy sinh những nguy cơ tiềm tàng ở Biển Đông...

Đó là những thách thức rất lớn đối với ASEAN, buộc họ phải tính toán nhằm tìm ra một cơ chế bảo đảm an ninh, gìn giữ hòa bình mỏng manh mới giành được cho khu vực sau Hiệp định Pari về Campuchia, bảo đảm sự phát triển tiếp tục về kinh tế của các nước thành viên. Vì vậy, thách thức lớn thứ hai đối với các nước ASEAN trong thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh chính là vấn đề phát triển kinh tế ở giai đoạn mới này, chạy đua kinh tế đã thay thế chạy đua vũ trang và tập trung vào phát triển kinh tế đã trở thành một xu thế lớn, lôi cuốn tất cả các nước phát triển và đang phát triển. Trong khi đó, xu thế khu vực hóa đang ngày càng phát triển mạnh trên thế giới mà biểu hiện rõ nhất là việc ra đời một thị trường thống nhất châu Âu gồm các nước Cộng đồng châu Âu và các nước Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu; khái niệm đồng Yên ở châu Á – Thái Bình Dương của Nhật; sự hình thành khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Trước tình hình đó, vấn đề đặt ra đối với các nước ASEAN là làm sao bảo đảm được môi trường quốc tế thuận lợi và giữ được các khu vực thị trường truyền thống, duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của mình. Giải pháp của ASEAN cho vấn đề trên gồm hai mặt: một mặt mở rộng quan hệ tích cực đấu tranh với các nước để chống xu hướng bảo hộ mậu dịch; mặt khác tăng cường xây dựng sức mạnh của bản thân khu vực, thông qua đẩy mạnh hợp tác trong khu vực, để vừa tạo thế với bên ngoài và duy trì được tốc độ phát triển kinh tế của mình. Trong khung cảnh đó, phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt với Việt Nam, cũng như với các nước Đông Dương khác trở thành một chính sách quan trọng của ASEAN.

Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh nên lợi ích lớn nhất lúc này là duy trì hòa bình ổn định khu vực, tạo dựng một môi trường quốc tế và khu vực thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Việt Nam tập trung sức lực vào phát triển nền kinh tế vốn bị chiến tranh tàn phá, cải thiện đời sống nhân dân, đưa đất nước đi lên theo kịp với nhịp độ phát triển chung của các nước trong khu vực và trên thế giới. Về kinh tế, thách thức lớn đối với Việt Nam để hội nhập được vào xu thế chung của thế giới là ưu tiên cho phát triển kinh tế và Việt Nam cần phải có nhiều cố gắng để tránh nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Với mục tiêu đó, Việt Nam đã tăng cường và phát triển các mối quan hệ hợp tác với bên ngoài, trước hết là với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Đẩy mạnh quan hệ với ASEAN là mục tiêu quan trọng đối với Việt Nam vì ASEAN là một tập hợp của những nước nhỏ và vừa, có xuất phát điểm gần giống Việt Nam, đã vươn lên thành những nước có nền kinh tế phát triển nhất ở khu vực hiện nay. Hợp tác chặt chẽ với ASEAN sẽ giúp Việt Nam nhanh chóng đuổi kịp và hòa nhập với sự phát triển kinh tế của các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, ASEAN có tiếng nói và vai trò ngày càng tăng trên thế giới, là tổ chức khu vực duy nhất trên thế giới có mối quan hệ chặt chẽ và cơ chế đối thoại thường xuyên với nhiều nước công nghiệp phát triển, trong đó bao gồm tất cả 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Việc phát triển hợp tác Việt Nam – ASEAN sẽ giúp làm tăng vị trí cũng như vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam đi vào hợp tác với các nước công nghiệp phát triển và các trung tâm chính trị, kinh tế lớn, tạo thuận lợi cho Việt Nam tham gia các cơ chế hợp tác lớn hơn ở khu vực

châu Á – Thái Bình Dương.

Điều trở nên rõ ràng là trước những thách thức của thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh, việc phát triển quan hệ Việt Nam- ASEAN đã trở thành một vấn đề có tính quan trọng chiến lược, cả về kinh tế, chính trị đối với ASEAN và Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1991) đã khẳng định chủ trương thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng đa phương hóa trong đó nhấn mạnh việc “ *phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác.*” [2, tr.161]

Thực hiện chủ trương trên, từ cuối năm 1991 đến giữa năm 1992, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã lần lượt đi thăm tất cả các nước ASEAN để thúc đẩy quan hệ song phương.

Kể từ đó quan hệ Việt Nam với từng nước ASEAN đã phát triển nhanh chóng. Các chuyên viên thăm diễn ra dồn dập ở các cấp. Chỉ trong hai năm, Việt Nam đã ký với các nước này gần 40 hiệp định các loại như Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật; Hiệp định về bảo hộ đầu tư; Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; Hiệp định về bưu điện; Hiệp định về hàng không, hàng hải... làm cơ sở pháp lý cho các mối quan hệ hợp tác đang ngày càng mở rộng. Các quan hệ kinh tế và thương mại cũng tăng nhanh chóng. Hiện nay, các nước ASEAN tiêu thụ hoặc tái xuất một khối lượng lớn hàng xuất khẩu của Việt Nam, và đầu tư trực tiếp của họ chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng số vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

Trong các cuộc tiếp xúc cấp cao Việt Nam - ASEAN từ cuối năm 1990 trở đi,

vấn đề Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali được đề cập, và ngày 28-1-1992, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ tư họp tại Xingapo (năm 1992) đã tuyên bố rõ điều đó. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ ba khóa VII (tháng 6-1992) đã đề cập việc “ Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali, tham gia các diễn đàn đối thoại với ASEAN, tích cực nghiên cứu mở rộng quan hệ với ASEAN trong tương lai”[2, tr.162] . Ngày 11-7-1992, tại Hội nghị lần thứ 25 Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN, Việt Nam và Lào đã chính thức tham gia Hiệp ước Bali và trở thành quan sát viên của tổ chức ASEAN.

Việc Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali thể hiện cam kết của Việt Nam với những nguyên tắc được nêu ra trước đó trong chính sách 4 điểm của mình năm 1976. Điều đó cũng làm tăng sự tin cậy của các nước ASEAN và các nước ngoài khu vực đối với Việt Nam, góp phần phá thế bao vây cấm vận của Mỹ, và tạo thuận lợi thúc đẩy việc thực hiện chính sách mở cửa đã được Việt Nam đưa ra.

Với tư cách quan sát viên của ASEAN, từ năm 1992, Việt Nam đã được mời tham dự các cuộc họp Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN hàng năm. Từ năm 1993, ASEAN đã lập cơ chế họp hiệp thương giữa ASEAN và Việt Nam nhân dịp Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 26 ở Xingapo (năm 1993).

Việt Nam đã được mời tham gia Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) để bàn về các vấn đề chính trị và an ninh của khu vực châu Á- Thái Bình Dương. Việt Nam được coi như một trong những nước sáng lập diễn đàn này. Cũng trong năm 1993, ASEAN đã mời Việt Nam tham gia các chương trình và dự án hợp tác ASEAN trên 5 lĩnh vực: khoa học - công nghệ môi trường, y tế, văn hóa -

thông tin, phát triển xã hội, cùng một số dự án hợp tác chuyên ngành: thủ công, phòng ngừa ma túy (dành cho thanh niên), đào tạo cán bộ du lịch.

Để tạo một trường thuận lợi hơn nữa cho sự tham gia của Việt Nam vào quá trình hợp tác khu vực, và nhất là vào ASEAN, từ tháng 2-1993, Việt Nam đã tuyên bố “sẵn sàng tham gia ASEAN vào thời điểm thích hợp”. Điều này đã được các nước ASEAN, dư luận khu vực và quốc tế đánh giá cao. Đáp lại, các nước ASEAN tuyên bố muốn thấy Việt Nam sớm gia nhập ASEAN. Với những phát triển ngày càng tích cực và thuận lợi trong quan hệ Việt Nam và ASEAN cả về song phương và đa phương, tháng 4-1994, trong chuyến thăm chính thức Ấn Độ, Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã tuyên bố cùng với sự hỗ trợ tích cực của ASEAN.

Việt Nam đang xúc tiến các công việc chuẩn bị thiết thực để sớm trở thành thành viên chính thức của ASEAN.

Tuyên bố này thể hiện thái độ tích cực và chân thành của Việt Nam trong việc gia nhập ASEAN. Cũng trong thời gian này, các nhà lãnh đạo cao nhất của ASEAN đã lần lượt tuyên bố hoàn toàn ủng hộ việc Việt Nam gia nhập ASEAN. Thủ tướng Malaixia và Thủ tướng Xingapo còn nhấn mạnh rằng sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội không phải là trở ngại cho vấn đề này.

Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 27 tại Bangkok (từ ngày 22 đến ngày 23-7-1994), các nước ASEAN đã nhất trí tuyên bố sẵn sàng công nhận Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN và quyết định thành lập một nhóm làm việc gồm các quan chức cao cấp do Tổng thư ký ASEAN đứng đầu để trao đổi và tham khảo ý kiến với Việt Nam nhằm xúc tiến việc

chuẩn bị giải quyết các vấn đề thủ tục để tiến tới công nhận Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN.

Như vậy, sau một quá trình tăng cường quan hệ song phương với từng nước cũng như với cả tổ chức ASEAN, đến tháng 7-1994 việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã đạt được sự nhất trí từ cả hai phía.

Sau khi dự Hội nghị AMM lần thứ 27, Việt Nam đã tham dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn ARF diễn ra ngay sau đó tại Bangkok. Tháng 9-1994, lần đầu tiên Việt Nam tham dự Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 26 ở Chiang Mai (Thái Lan). Tại hội nghị này, những vấn đề chuẩn bị cho việc Việt Nam gia nhập ASEAN về mặt kinh tế tài chính... đã được đề cập một cách rộng rãi. Bên cạnh những diễn đàn chính thức ở cấp chính phủ là những diễn đàn của các giới học giả ASEAN và Việt Nam. Tại các diễn đàn này, các câu hỏi về việc Việt Nam tham gia ASEAN, những tác động của Việt Nam tham gia đó, tương lai của hợp tác Việt Nam ASEAN... được thảo luận một cách thẳng thắn khách quan và tự do. Rất nhiều ý kiến có giá trị của các học giả đã đóng góp vào việc hoạch định chính sách của chính phủ các nước ASEAN và Việt Nam đối với khu vực trong quan hệ giữa các nước này với nhau và với các nước ngoài khu vực.

Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam – ASEAN thể hiện ở việc ngày 17-10-1994, Bộ trưởng Ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi thư tới Bộ trưởng Ngoại giao Brunây, chủ tịch đương nhiệm Ủy ban thường trực ASEAN (ASC), chính thức đặt vấn đề Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN. Quyết định trên của Việt Nam được ASEAN hoan nghênh và đáp ứng kịp thời. Những thủ tục cần thiết cũng được phía Việt Nam và ASEAN cùng

chuẩn bị để vấn đề Việt Nam gia nhập ASEAN có thể hoàn tất trong năm 1995.

Chính sự phát triển quan hệ Việt Nam – ASEAN trên nhiều lĩnh vực, ở các diễn đàn các cấp và các giới khác nhau đã đưa các nước này lại gần nhau hơn, có sự tăng cường hiểu biết và thông cảm lẫn nhau để có thể cùng liên kết các hoạt động trong một tổ chức hợp tác khu vực như ASEAN.

Ngày 28-7-1995, tại thủ đô Banda Xêri Bêgaoan (Brunây), nơi diễn ra Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN lần thứ 28 và ARF lần thứ hai, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Việt Nam cũng tuyên bố gia nhập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), bắt đầu thực hiện chương trình giảm thuế quan chung theo AFTA từ ngày 1-1-1996 và sẽ hoàn thành vào năm 2006, chậm hơn 3 năm so với các nước ASEAN khác. Sau khi trở thành thành viên chính thức của ASEAN, sự hòa nhập của Việt Nam vào các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN cũng được thúc đẩy nhanh chóng. Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam cũng đã gia nhập Phòng thương mại và công nghiệp ASEAN, góp phần tăng cường hợp tác kinh tế trong ASEAN. Ngày 19-9-1995, tại Hội nghị của Tổ chức Liên Nghị viện ASEAN (AIIPO) họp tại Xingapo, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ sáu của tổ chức này.

Đồng thời, Việt Nam cũng thành lập Ủy ban quốc gia ASEAN – Việt Nam để chỉ đạo và điều phối các hoạt động của các cơ quan trong nước nhằm góp phần thúc đẩy quan hệ với các nước ASEAN. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ra Chỉ thị thành lập các bộ phận chuyên trách về hợp tác với các nước ASEAN tại các bộ và các cơ quan ngang bộ. Việt Nam cũng đã đề trình lên Hội

đồng AFTA đúng thời hạn các danh mục hàng hóa mà Việt Nam sẽ tiến hành giảm thuế theo quy định của AFTA. Song song với các hoạt động nhằm thúc đẩy sự liên kết của Việt Nam với ASEAN, Việt Nam còn tích cực tham gia các diễn đàn quan trọng của ASEAN và những diễn đàn địa phương do ASEAN nêu sáng kiến như Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ năm tháng 12-1995, Hội nghị cấp cao Á- Âu lần thứ nhất tháng 1-1996...

Sự tham gia tích cực của Việt Nam vào ASEAN đã được các nước trong tổ chức đánh giá cao. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ năm, các nước ASEAN đã quyết định để Việt Nam đứng ra tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ sáu tại Hà Nội. Còn tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN tháng 7-1996, Tổng thống nước chủ nhà Indônêxia thay mặt các nước ASEAN khác tuyên bố Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và đóng góp tích cực vào sự hợp tác và đoàn kết ASEAN.

Như vậy, với việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN và tham gia tích cực vào các cơ cấu hợp tác của ASEAN, quan hệ Việt Nam – ASEAN đã hoàn toàn bước sang một chương mới.

Tiểu kết chương 1

ASEAN được hình thành thông qua sự đồng thuận của các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á. Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, từ một tổ chức chỉ có ít thành viên, hiện nay ASEAN đã có 11 quốc gia trực thuộc và đang ngày càng vững chắc hơn. Các quốc gia thành viên ASEAN, mặc dù có nền tảng kinh tế và các hình thức chính trị khác nhau, tuy nhiên điều đó không làm trở ngại cho sự phát triển chung của ASEAN, cũng như không phải là một khó khăn quá lớn cho sự hình thành của cộng đồng ASEAN. Các quốc gia trực thuộc

ASEAN có mối quan hệ ngày càng trở nên sâu sắc hơn trong mọi phương diện như kinh tế, chính trị, an ninh đối ngoại....

Việt Nam sau khi chính thức trở thành thành viên ASEAN đã có những chuyển biến sâu sắc. Mặc dù trước khi gia nhập ASEAN, mối quan hệ của Việt Nam với các quốc gia thành viên khác tương đối không tốt, sự hiểu nhầm không đáng có của các vấn đề chính trị, hay cuộc nội chiến tại Campuchia ít nhiều ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Không chỉ vậy, đường lối chính trị của Việt Nam so với các quốc gia thành viên là hoàn toàn khác, do đó xảy ra sự không ủng hộ của các quốc gia khác đối với việc gia nhập ASEAN của Việt Nam.

Quan hệ Việt Nam-ASEAN đang dần trở nên tốt đẹp hơn, không còn là mối quan hệ mang tính hình thức, bắt buộc giữa một quốc gia với vị trí địa lý cũng như những tiềm năng to lớn. Việt Nam đang dần trở thành một quốc gia trụ cột của Đông Nam Á với tình hình kinh tế - chính trị ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn. Đối với Việt Nam, thông qua việc trở thành thành viên ASEAN, sự phát triển của Việt Nam đang trở nên toàn diện hơn, từ kinh tế đến các vấn đề an ninh chính trị đều có những thành tựu đáng kể. Không chỉ vậy, vấn đề ngoại giao giữa Việt Nam và các quốc gia thành viên khác cũng trở nên tốt đẹp hơn. Các dự án, đề tài hợp tác kinh tế, an ninh chính trị của Việt Nam và các quốc gia thành viên khác cũng có nhiều hơn, thúc đẩy cho nền kinh tế của Việt Nam hay của ASEAN được phát triển.

Có thể nói, sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam hiện nay đã khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển

chung của cộng đồng ASEAN. Không những vậy, ASEAN cũng trở thành một đối tác tin cậy đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, là cầu nối giúp cho Việt Nam vươn mình ra châu lục cũng như quốc tế.

Chương 2

ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM VỀ BA TRỤ CỘT: AN NINH - CHÍNH TRỊ , KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI SAU KHI GIA NHẬP TỔ CHỨC ASEAN

Quan hệ Việt Nam – ASEAN ngày nay đang phát triển tốt đẹp với mục tiêu vì hòa bình - ổn định – hợp tác và phát triển. Sự phát triển này là xu thế tất yếu của khu vực và thế giới đồng thời cũng là lợi ích của hai bên nhất là về an ninh – chính trị - kinh tế. Nhận thức được điều này, quan hệ hai bên ngày càng được cải thiện.

Tháng 7 năm 1995 là thời điểm Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN là mốc thời gian đánh dấu sự chuyển biến phát triển mạnh mẽ của Việt Nam đặc biệt là về kinh tế.

2.1 Về hợp tác An ninh- Chính trị và quan hệ đối ngoại

2.1.1 Quan điểm của Việt Nam khi chính thức trở thành thành viên ASEAN

Theo quan điểm của của Việt Nam, quan hệ hợp tác với ASEAN là một bộ phận rất quan trọng trong chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam. Nguyên tắc quan hệ của Việt Nam với ASEAN, về cơ bản, phù hợp với các nguyên tắc đối ngoại của ASEAN. Trong quá trình phát triển, các quốc gia thành viên ASEAN đã dần cùng nhau xây dựng và khẳng định các nguyên tắc chính làm cơ sở cho quan hệ trong nội bộ và với các đối tác nước ngoài.

Những nguyên tắc này được phản ánh trong nhiều văn kiện của ASEAN với một số nội dung chủ yếu sau:

- Các nguyên tắc là nền tảng cho quan hệ giữa các quốc gia thành viên và với bên ngoài: Trong quan hệ với nhau, các nước ASEAN luôn tuân theo 5 nguyên tắc chính đã được nêu trong Hiệp ước Bali, bao gồm: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các dân tộc; quyền của mọi quốc gia được lãnh đạo hoạt động của dân tộc mình, không có sự can thiệp, lật đổ hoặc cưỡng ép của bên ngoài; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, thân thiện; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực; hợp tác với nhau một cách có hiệu quả.

- Các nguyên tắc điều phối hoạt động của Hiệp hội: Việc quyết định các chính sách hợp tác quan trọng cũng như trong các lĩnh vực quan trọng của ASEAN dựa trên nguyên tắc nhất trí (consensus) - còn được gọi là nguyên tắc đồng thuận, tức là một quyết định chỉ được coi là của ASEAN khi được tất cả các nước thành viên nhất trí thông qua. Nguyên tắc này đòi hỏi phải có quá trình đàm phán lâu dài, nhưng bảo đảm được việc tính đến lợi ích quốc gia của tất cả các nước thành viên. Đây là một nguyên tắc bao trùm trong các cuộc họp và hoạt động của ASEAN. Nếu các nguyên tắc nền tảng có tính ổn định cao, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp quốc và bảo đảm sự tôn trọng của các bên khi hợp tác và giải quyết các vấn đề quốc tế nói chung, thì nguyên tắc đồng thuận trong điều phối hoạt động của ASEAN lại bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia, nhưng trong quá trình thực hiện đã nảy sinh những bất đồng, nó cản trở hay làm trì trệ việc thực thi các chính sách, không có chế tài để răn đe hay buộc các bên

tham gia thực hiện cam kết. Mặt tích cực của nguyên tắc này là: thể hiện sự đoàn kết, thống nhất trong đa dạng của ASEAN, bảo đảm lợi ích của các nước nhỏ trước các nước lớn, đồng thời làm nên bản sắc của ASEAN. Nhưng trái lại, nó cũng có những điểm tiêu cực như vừa kể trên, đồng thời cũng dễ làm tổn hại hình ảnh của ASEAN trước các bên tham gia đối thoại, thể hiện sự kém năng động và kém hiệu quả trong thực thi chính sách, các mục tiêu cam kết.

Một nguyên tắc quan trọng khác chi phối hoạt động của ASEAN là nguyên tắc bình đẳng. Nguyên tắc này thể hiện trên 2 mặt: Thứ nhất, các nước ASEAN, không kể lớn hay nhỏ, giàu hay nghèo, đều bình đẳng với nhau trong nghĩa vụ đóng góp cũng như chia sẻ quyền lợi. Thứ hai, hoạt động của tổ chức ASEAN được duy trì trên cơ sở luân phiên, tức là các chức chủ tọa các cuộc họp của ASEAN từ cấp chuyên viên đến cấp cao, cũng như địa điểm cuộc họp, được phân đều cho các nước thành viên trên cơ sở luân phiên theo vần A, B, C của tiếng Anh.

Trong quan hệ giữa các nước ASEAN dần hình thành một số các nguyên tắc, tuy không thành văn, không chính thức song mọi người đều hiểu, tôn trọng và tự giác áp dụng như: Nguyên tắc “cho và nhận”, có đi có lại. Theo nguyên tắc này, trong quá trình hợp tác giữa các nước ASEAN, nếu một nước nhân nhượng một nước khác về một vấn đề, thì đến lượt mình, nước kia trong một dịp khác sẽ đáp lại bằng một nhân nhượng khác; Nguyên tắc tế nhị, lịch sự, không gây đôi đầu, có thái độ hữu nghị, thân thiện; Nguyên tắc ngoại giao thâm lặng, cá nhân, không tuyên truyền tố cáo qua báo chí; Nguyên tắc giữ gìn đoàn

kết ASEAN, giữ bản sắc chung của Hiệp hội. Kể từ khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tuân thủ một cách hết sức nghiêm túc các nguyên tắc nói trên, vừa đảm bảo giữ vững lợi ích quốc gia, chủ quyền, vừa tranh thủ tạo mối quan hệ bền chặt giữa các nước, gia tăng sức mạnh đoàn kết thống nhất của Hiệp hội trước sức ép quốc tế và các nước lớn.

2.1.2. Những đóng góp của Việt Nam khi trở thành thành viên ASEAN trong vấn đề An ninh- Chính trị và quan hệ đối ngoại

Với cam kết là thành viên tích cực, có trách nhiệm của ASEAN, Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực tham gia vào tất cả các hoạt động hợp tác từ chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại cho đến hợp tác chuyên ngành.

Một trong những đóng góp đầu tiên của Việt Nam trong ASEAN là nỗ lực thúc đẩy việc kết nạp các nước Lào, Mianma và Campuchia, hình thành một ASEAN-10, hoàn thành mục tiêu mà ASEAN đã đề ra từ lâu. Đây là một bước ngoặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển của ASEAN. Mở ra một thời kỳ mới, khác hẳn về chất trong quan hệ giữa các nước trong khu vực. Tiếp đó, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) – một đóng góp quan trọng của Việt Nam, trong đó đề ra nhiều biện pháp cụ thể, định hướng cho sự phát triển và hợp tác của Hiệp hội để thực hiện Tầm nhìn 2020.

Trong vai trò Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC), Việt Nam đã đề xuất và được thông qua Tuyên bố Hà Nội về Thu hẹp khoảng cách phát triển

tại Hội nghị AMM-34 năm 2001 vừa đáp ứng nhu cầu của ASEAN muốn tăng cường liên kết nội khối, vừa thiết thực cho nhu cầu vươn lên của 4 thành viên mới Cam-pu-chia, Lào, Mi-anma và Việt Nam. Với tư cách nước đồng sáng lập Diễn đàn An ninh ARF, Việt Nam chủ động tham gia và có nhiều đóng góp vào tiến trình ARF, góp phần xây dựng ARF trở thành một diễn đàn đối thoại về an ninh có vị thế ở khu vực, đồng thời Việt Nam cũng kiên trì đấu tranh giữ vững tính chất và các nguyên tắc cơ bản đã trở thành bản sắc của ASEAN, góp phần duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN trong diễn đàn này. Việt Nam tăng cường phối hợp lập trường với các nước ASEAN trong việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế, nhất là đối với các vấn đề phức tạp, có liên quan đến lợi ích quốc gia của chúng ta. Việt Nam tham gia tổ chức nhiều hoạt động tăng cường quan hệ với các nước đối thoại, đảm nhiệm tốt vai trò là nước điều phối quan hệ đối thoại giữa ASEAN với các cường quốc. Ngoài ra, Việt Nam cũng chủ trương tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác ASEAN + 3 (với 3 nước Đông Bắc Á) để tiến tới hình thành một khuôn khổ hợp tác mới trên quy mô toàn khu vực Đông Á: Diễn đàn Đông Á (EAS). Việt Nam khẳng định rõ quan điểm nghiêm túc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế khu vực của mình và luôn nỗ lực đảm bảo tiến độ thực hiện các cam kết. Mặc dù xuất phát điểm của Việt Nam thấp hơn các nước ASEAN cũ rất nhiều, nhưng sự tham gia của chúng ta vào các chương trình liên kết kinh tế như AFTA, AIA, AICO, IAI, việc triển khai từng bước chương trình hợp tác Mê Công, nhất là thực hiện sáng kiến quan trọng về phát triển kinh tế các vùng nghèo liên quốc gia dọc hành lang Đông -

Tây (WEC) đã tạo thế chủ động hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế khu vực, phù hợp với các ưu tiên phát triển của Việt Nam.

Việc tham gia ASEAN giúp Việt Nam tranh thủ được những lợi ích thiết thực từ những hoạt động kinh tế - thương mại và chuyên ngành của ASEAN, Chúng ta có điều kiện thúc đẩy và mở rộng quan hệ kinh tế, tiếp cận được thông tin và các tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại, học tập và chia sẻ kinh nghiệm phát triển và quản lý với các quốc gia thành viên ASEAN vốn được coi là những nền kinh tế trẻ đầy năng động trong khu vực.

Trong hợp tác liên kết ASEAN, Việt Nam xác định rõ một số quan điểm sau:

- Hỗ trợ nhau phát huy những ngành, lĩnh vực còn non yếu. Các nước mạnh hơn hỗ trợ các nước yếu hơn, nghèo hơn, kém văn minh hơn để tiến kịp các nước trong nhóm dẫn đầu. Tham gia ASEAN giúp Việt Nam nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành trong các hoạt động quốc tế và đa phương; thúc đẩy việc điều chỉnh dần các thủ tục hành chính, phong cách làm việc theo hướng phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Đồng thời, Việt Nam nhận thức rõ được sự “ đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều ” sẽ góp phần giảm thiểu sự phân biệt giữa 2 nhóm nước, nhất là hỗ trợ lẫn nhau cũng như kêu gọi sự trợ giúp của các nước đối thoại trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước.

- Kết hợp hài hòa các định hướng phát triển của mỗi quốc gia. Tăng cường trao đổi thông tin giữa các chính phủ. Các Hội nghị cấp cao, hội nghị cấp Bộ trưởng Ngoại giao và chuyên ngành là kênh chia sẻ quan trọng nhất các định

hướng phát triển của mỗi quốc gia để tạo sự hài hòa, cùng tiến lên và dần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa hai nhóm nước. Ngoài ra, kênh thông tin thường xuyên tại các cuộc viếng thăm chính thức lẫn nhau của các nhà lãnh đạo trong ASEAN cũng giúp mang lại sự thống nhất mục tiêu, tương trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng Chính phủ điện tử ASEAN (e-ASEAN) được xúc tiến mạnh mẽ để có thể thường xuyên giao lưu, cập nhật thông tin của nhau một cách nhanh chóng, chính xác và thuận lợi. - Xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, các hệ tiêu chuẩn đo lường thống nhất, tạo sự thông thoáng, liên kết cùng phát triển mạng lưới kinh tế khu vực. Một thách thức tế nhị đặt ra cho các nước ASEAN trong quá trình xây dựng các chiến lược phát triển quốc gia, đó là: nền kinh tế, các mặt hàng xuất khẩu tương đối giống nhau, đưa đến sự cạnh tranh giữa các nước trong việc cung cấp sản phẩm cho thị trường quốc tế, nhất là cạnh tranh về giá cả, chất lượng và đối tác. Việc các nước có sự tương đồng về phát triển kinh tế, thương mại cần có cơ chế đối thoại với nhau trên tinh thần tương trợ và chia sẻ theo thỏa thuận trong khối ASEAN về việc xây dựng một môi trường cạnh tranh lành mạnh, tôn trọng bạn hàng, xây dựng các hệ thống tiêu chuẩn thống nhất, biểu giá xuất khẩu... để cùng đạt được lợi nhuận tốt.

Có thể khẳng định rằng từ khi gia nhập ASEAN, mối quan tâm lớn nhất và là mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam là đoàn kết với các nước thành viên ASEAN để cùng nhau xây dựng một Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hợp tác hữu nghị phát triển thịnh vượng, có vai trò và vị thế ngày càng cao trên

trường quốc tế. Đó cũng là mong muốn chung của các nước trong khu vực sau nhiều thập kỷ bất ổn, nghi kỵ và chia rẽ. Chính việc Việt Nam gia nhập ASEAN là một đóng góp lớn cho hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác trong khu vực, làm nhân lên sức mạnh và vị thế của Hiệp hội và mở ra một trang mới trong lịch sử khu vực như chính các nhà lãnh đạo các nước thành viên ASEAN đã từng nhận xét nhân sự kiện này.

Một trong những đóng góp nổi bật của Việt Nam là đã tích cực ủng hộ, vận động, thuyết phục và thúc đẩy việc nhanh chóng kết nạp ba nước Lào, Mianma và Campuchia vào gia đình ASEAN, hoàn tất việc đưa ASEAN thành một tổ chức khu vực bao gồm toàn bộ 10 quốc gia Đông Nam Á. Thắng lợi chính trị này mang một ý nghĩa lịch sử trọng đại của Hiệp hội, nó đánh dấu sự kết thúc một thời kỳ chia rẽ và đối đầu giữa các nhóm nước trong khu vực, mở ra một kỷ nguyên hòa bình, hợp tác cho toàn khu vực Đông Nam Á, tạo nền tảng thiết yếu cho ASEAN trở thành một tổ chức khu vực toàn diện, liên kết sâu rộng và có vai trò quan trọng ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương như ngày nay. 20 năm gia nhập ASEAN, Việt Nam đã luôn tích cực, chủ động có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho việc xây dựng Hiệp hội ngày càng lớn mạnh. Đóng góp có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực an ninh, chính trị đối với Hiệp hội là Việt Nam luôn nỗ lực không mệt mỏi và trở thành một nhân tố thúc đẩy đoàn kết hợp tác trong ASEAN, kiên trì bảo vệ những nguyên tắc và giá trị truyền thống đã làm nên bản sắc và tính hấp dẫn của Hiệp hội, đó là tính cởi mở, mềm dẻo, nguyên tắc đồng thuận, tôn trọng lẫn nhau và không can thiệp. Trên

tin thần và nguyên tắc đó, Việt Nam đã năng động thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ với các nước thành viên ASEAN trên cơ sở hữu nghị, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, hướng tới một mục đích là xây dựng một ASEAN đoàn kết, đùm bọc, chia sẻ trách nhiệm và hỗ trợ lẫn nhau. Việt Nam cũng đã khéo léo phối hợp cùng các nước thành viên tìm ra những phương cách linh hoạt, mềm dẻo để dàn xếp, xử lý những vấn đề nhạy cảm, phức tạp trong nội bộ khu vực cũng như trong quan hệ đối ngoại của Hiệp hội góp phần duy trì đoàn kết nhất trí nội bộ ASEAN, hạn chế những tác động và sức ép từ các cường quốc bên ngoài mà vẫn thúc đẩy được quan hệ đối ngoại và nâng cao uy tín của Hiệp hội, ví dụ như vấn đề kết nạp Mianma, Campuchia, vấn đề dân chủ và hòa giải ở Mianma cũng như việc nước này tham gia ASEM, bất ổn ở Thái Lan hay vấn đề tham gia cấp cao Đông Á của Nga và Mỹ... Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xác định các phương hướng và khuôn khổ thể chế hợp tác ASEAN nhằm thúc đẩy hợp tác, liên kết khu vực, gắn kết nội khối cũng như thúc đẩy đối thoại hợp tác giữa ASEAN với các đối tác ngoài khu vực. Đáng chú ý là sự đóng góp của Việt Nam trong việc xây dựng Tầm nhìn 2020 và sau đó là đề nghị mở rộng Tầm nhìn 2020 không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong lĩnh vực chính trị, chuyên ngành và đối ngoại. Năm 1998, trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng của khu vực, Việt Nam đã chủ trì thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 với việc thông qua Chương trình hành động Hà Nội nhằm thực hiện Tầm nhìn 2020. Những cố gắng đó đã giúp tăng cường sự liên kết hợp tác trong Hiệp hội, củng cố niềm tin vào sự phát triển của Hiệp hội và góp phần giúp ASEAN vượt qua bối cảnh khó khăn đó.

Tiếp đó, từ tháng 7-2000 đến tháng 7-2001, Việt Nam hoàn thành tốt vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (ASC) và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Việt Nam đã tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (AMM- 34), Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 8 (ARF-8), v.v... Với vai trò Chủ tịch của Việt Nam, ASEAN đã phê chuẩn Nghị định thư thứ hai của Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác, thông qua Quy chế của Hội đồng Tối cao TAC và tổ chức cuộc họp đầu tiên của Hội đồng trong dịp AMM 34; lần đầu tiên ASEAN đã tiến hành tham khảo trực tiếp với năm cường quốc hạt nhân trong khuôn khổ Hiệp định SEANWFZ. Trong thời gian đó, tiến trình ARF tiếp tục tiến triển với việc thông qua một số tài liệu quan trọng như Tài liệu qui định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch ARF, Tài liệu về qui chế đăng ký chuyên gia ARF và Tài liệu về khái niệm và nguyên tắc của ngoại giao phòng ngừa. Dấu ấn trong thời gian Việt Nam đảm đương chức Chủ tịch ASC và ARF cũng được ghi nhận với việc thông qua Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển, lập đường dây nóng ở các cấp lãnh đạo ASEAN, cải tiến hình thức, lề lối làm việc để ASEAN hoạt động thực chất và hiệu quả hơn. Việt Nam tỏ rõ sự chủ động, tích cực đóng góp vào sự ra đời của Tuyên bố Bali-II về xây dựng Cộng đồng ASEAN, Chương trình hành động Viên Chăn (VAP), các kế hoạch về xây dựng từng trụ cột của Cộng đồng ASEAN. Việt Nam đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 (sớm hơn so với kế hoạch của Tuyên bố Bali-II năm 2003). Việt Nam tham gia tích cực vào việc soạn thảo, ký kết Hiến chương ASEAN 2007. Việt Nam là một trong năm quốc gia thành viên phê

chuẩn bản Hiến chương này, đồng thời góp phần đẩy nhanh việc đưa Hiến chương vào thực thi. Việt Nam là nước thứ hai cử đại sứ, đại diện thường trực trong Ủy ban các Đại diện thường trực về ASEAN và sớm lập phái đoàn đại diện bên cạnh Ban thư ký ASEAN. Năm 2010 với tư cách là chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã xác định đây là năm bản lề cho tiến trình xây dựng Cộng đồng vào năm 2015. Vì vậy, Việt Nam đã triển khai và thúc đẩy mạnh mẽ các sáng kiến và kế hoạch hành động cụ thể hướng tới xây dựng Cộng đồng. Chủ đề của năm chủ tịch ASEAN 2010 là “Cộng đồng ASEAN - từ tầm nhìn tới hành động” đã thể hiện rõ quyết tâm và những nỗ lực của Việt Nam thúc đẩy tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN bằng những hành động thực tế.

Việt Nam đã thúc đẩy văn hóa thực thi trong ASEAN bằng những biện pháp cụ thể như tăng cường cơ chế giám sát triển khai các thỏa thuận, kế hoạch và lộ trình xây dựng Cộng đồng, cải tiến phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động và sự phối hợp của các cơ quan trong bộ máy của ASEAN. Theo đề nghị của Việt Nam, tại Hội nghị cấp cao ASEAN 16 tại Hà Nội (4/2010) ASEAN đã lần đầu tiên tổ chức phiên họp toàn thể của lãnh đạo các nước ASEAN với sự tham dự của các bộ trưởng và các quan chức cao cấp phụ trách trụ cột của Cộng đồng ASEAN nhằm thảo luận phương hướng đẩy nhanh thực hiện lộ trình xây dựng Cộng đồng. Cũng theo sáng kiến của Việt Nam, Hội nghị chính thức lần đầu tiên giữa lãnh đạo ASEAN và đại diện Đại hội đồng Liên nghị viện ASEAN (AIPA) đã được tổ chức thành công nhằm thiết lập và thúc đẩy sự phối giữa hai kênh lập pháp và hành pháp trong tiến trình xây dựng

Cộng đồng ASEAN. Dưới sự chủ trì của Việt Nam, Hội nghị cấp cao ASEAN 17 được tổ chức cuối tháng 10 tại Hà Nội thực sự là một dấu mốc trên con đường hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Trong số những Tuyên bố và văn kiện được xây dựng và thông qua trong năm chủ tịch ASEAN 2010 của Việt Nam, Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN là dự án lớn nhất mà các nước thành viên ký kết và cùng triển khai thực hiện nhằm cải thiện hạ tầng cơ sở, sự liên kết giữa các cơ chế trong khu vực cũng như sự giao lưu giữa nhân dân các nước. Đây là văn kiện bản lề cho việc thúc đẩy hội nhập, liên kết khu vực và hình thành Cộng đồng ASEAN vào 2015. Việt Nam đã chủ trì Nhóm đặc trách của ASEAN hoạt động khẩn trương trong vòng một năm qua để hoàn tất xây dựng Bản Kế hoạch tổng thể về Kết nối này. Có thể nói trên cương vị Chủ tịch ASEAN 2010, tinh thần trách nhiệm, uy tín và sự năng động của Việt Nam đã có những đóng góp nổi bật vào việc thúc đẩy sự đoàn kết hợp chặt chẽ hơn tác trong ASEAN, đồng thời nâng cao uy tín, vị thế và sức hấp dẫn của ASEAN trên trường quốc tế. Trong lĩnh vực hợp tác an ninh và duy trì hòa bình ổn định khu vực, Việt Nam kiên định và nỗ lực thúc đẩy nguyên tắc giải quyết hòa bình các mâu thuẫn và bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thúc đẩy hợp tác giải quyết những vấn đề biên giới lãnh thổ và những vấn đề khác có khả năng gây căng thẳng với các nước trong khu vực. Với phương châm đó, Việt Nam đã cơ bản giải quyết xong việc phân định biên giới lãnh thổ trên đất liền cũng như trên biển với tất cả các nước láng giềng ASEAN và ký kết các thỏa thuận hợp tác về biên giới với các nước này.

Điều này không những góp phần vào sự ổn định khu vực mà còn củng cố tình hữu nghị và hợp tác với các nước ASEAN. Trên bình diện an ninh khu vực, Việt Nam đã cùng các nước ASEAN xây dựng và thúc đẩy phát huy tác dụng của các cơ chế, diễn đàn an ninh khu vực đã có, đồng thời tích cực đưa ra và triển khai các sáng kiến an ninh mới nhằm kiến tạo và hoàn thiện một cấu trúc an ninh khu vực đa tầng nấc ở khu vực, tạo ra nhiều cơ hội hơn cho việc bảo đảm hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập Diễn đàn ARF, một cơ chế đối thoại quan trọng về an ninh khu vực.

Trong quá trình hoạt động của diễn đàn này, Việt Nam đã đề xuất nhiều sáng kiến, tham gia soạn thảo các văn bản và chủ trì thành công nhiều hoạt động của ARF. Cụ thể là Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ARF (2000-2001), Phó Chủ tịch ARF (2008- 2009), chủ trì các hội nghị theo chủ đề của Diễn đàn các năm 2001-2002, 2008- 2009. Việt Nam cũng chủ động đề xuất và phối hợp thực hiện các hội thảo theo chuyên đề trong ARF như Hội thảo thay đổi nhận thức trong chính sách an ninh (Mông Cổ, 2005), Hội thảo về phòng chống cúm gia cầm (Hà Nội, 2006). Ngoài ra, Việt Nam cũng đã đi đầu trong tiến trình cải cách bộ máy, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hợp tác trong ARF.

Trong tiến trình ARF, Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các thành viên ASEAN đấu tranh giữ vững các nguyên tắc của ARF, kiên trì vai trò cầm lái tiến trình ARF của ASEAN theo những bước đi và lộ trình phù hợp với tình

hình khu vực trên cơ sở đồng thuận và tiệm tiến. Với tư cách Chủ tịch ARF năm 2010, Việt Nam chủ động quan tâm thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa, phối hợp cùng các nước thảo luận và thúc đẩy tiến trình ARF, hướng tới một sự đồng thuận cao trong việc giải quyết những vấn đề chính trị- an ninh phức tạp và nhạy cảm trong khu vực như tiến trình dân chủ ở Mianma, vấn đề xung đột biên giới Thái Lan - Campuchia, vấn đề biển Đông. Hội nghị ARF - 13 tại Hà Nội cũng đã thông qua Tuyên bố của Chủ tịch ARF. Chủ nhà Việt Nam cũng đã đề xướng và thúc đẩy việc xây dựng Kế hoạch hành động Hà Nội thực hiện Tuyên bố tầm nhìn ARF bao gồm nhiều lĩnh vực hợp tác, trong đó đề ra những bước đi cụ thể cho cả tiến trình phát triển của diễn đàn. Qua đó, đóng góp thiết thực cho việc xây dựng lòng tin giữa các nước trong khu vực, duy trì hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ngoài ASEAN tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác (TAC) và cùng các nước ASEAN sửa đổi, bổ sung, thúc đẩy phát huy tác dụng của TAC như một văn kiện nền tảng mang tính chỉ đạo quan hệ giữa các nước trong khu vực cũng như với các đối tác ngoài khu vực, đồng thời có tác dụng như là công cụ ngoại giao phòng ngừa của ASEAN. Bên cạnh đó, Việt Nam đã phối hợp cùng các nước soạn thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng tối cao Hiệp ước TAC trên cơ sở đảm bảo cho nó phát huy tác dụng như một cơ chế tư vấn và hòa giải những mâu thuẫn và xung đột có ảnh hưởng tới hòa bình và ổn định khu vực. Việt Nam tham gia ký kết và phê chuẩn ngay từ đầu Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á phi vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) năm 1995. Việt Nam cũng tích cực thúc đẩy phát huy tác dụng

của SEANWFZ, chủ động nêu sáng kiến và tổ chức thành công cuộc họp tham khảo ý kiến của ASEAN với 5 cường quốc có vũ khí hạt nhân về một số nội dung trong Nghị định thư và cùng các nước ASEAN đang tích cực vận động các nước này sớm tham gia vào văn kiện này để nó trở thành cơ sở bảo đảm cho một Đông Nam Á hòa bình và phi hạt nhân. Để giải quyết những căng thẳng, tranh chấp ở biển Đông, Việt Nam một mặt kiềm chế và kiên định lập trường giải quyết thông qua thương lượng hòa bình, mặt khác đã chủ động phối hợp cùng Philippin và các nước ASEAN khác soạn thảo và đệ trình dự thảo COC (7- 1999) và trên cơ sở đó, ASEAN và Trung Quốc đã đi tới ký kết Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) năm 2002. Với sự nỗ lực thúc đẩy của Việt Nam trong năm Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch ARF 2010, ASEAN và Trung Quốc đã đi tới nhất trí sẽ nhóm họp cùng nhau vào cuối năm 2010 để thảo luận xây dựng một bộ quy tắc ứng xử ở biển Đông (COC) mang tính chất ràng buộc về mặt pháp lý. COC ra đời sẽ là công cụ hữu hiệu để giữ gìn hòa bình cho khu vực và là một bước tiến lớn của hợp tác an ninh khu vực với trách nhiệm cao và sự đóng góp to lớn của Việt Nam. Trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2010 của mình, Việt Nam đã đưa ra và triển khai lần đầu nhiều sáng kiến an ninh quan trọng được các nước thành viên trong và ngoài Hiệp hội đánh giá rất cao và hưởng ứng tích cực. Với sáng kiến và những nỗ lực to lớn của Việt Nam, lần đầu tiên Hội nghị ADMM+ đã được tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 11 và 12/10/2010 với chủ đề "ADMM+: Hợp tác chiến lược vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực". Đây là một kênh đối thoại mới và là diễn đàn mở giữa các bộ trưởng quốc phòng các nước ASEAN với lãnh đạo bộ quốc phòng 8

nước đối tác của ASEAN, trong đó bao gồm hầu hết các cường quốc khu vực như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ... để bàn thảo về những vấn đề liên quan tới an ninh khu vực góp phần kiến tạo sự ổn định và hòa bình cho một khu vực đang có những biến động rất nhanh chóng và phức tạp về mặt an ninh. Hội nghị đã thông qua một Tuyên bố chung xác lập sự ra đời và phương hướng hoạt động của một cơ chế hợp tác khu vực thiết thực và cụ thể hơn, đồng thời xác định 5 lĩnh vực hợp tác ưu tiên trong khuôn khổ ADMM+ đó là hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, an ninh biển, quân y, chống khủng bố và các hoạt động gìn giữ hòa bình và bàn thảo nhiều vấn đề an ninh quan trọng khác đang nổi lên trong khu vực. Tại Hội nghị này, lãnh đạo bộ quốc phòng 18 nước đã thống nhất giải quyết những mâu thuẫn và tranh chấp bằng biện pháp phi bạo lực, cam kết cùng nhau hợp tác, đối thoại giải quyết những khác biệt để xây dựng lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau với một mục tiêu chung là bảo đảm sự ổn định và thịnh vượng chung cho khu vực. Đây được coi là một thắng lợi ngoại giao lớn của Việt Nam nói riêng và ASEAN nói chung bởi lần đầu tiên đã tạo lập được một cơ chế đối thoại và hợp tác quốc phòng cấp cao nhất giữa ASEAN với tất cả các cường quốc ở châu Á - Thái Bình Dương nhằm kiến tạo và duy trì hòa bình cho khu vực. Đó là một đóng góp rất cụ thể và có ý nghĩa của Việt Nam đối với hòa bình và an ninh khu vực.

Theo sáng kiến của Bộ Công an Việt Nam được nêu ra trong cuộc họp Hội nghị Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN lần thứ 3 (14-1-2010), Việt Nam đã lần đầu tiên tổ chức thành công Hội nghị “Những người đứng đầu Cơ quan

An ninh các nước ASEAN” (MACOSA) tại Hà Nội từ ngày 28-9 đến 1-10-2010. MACOSA là cơ chế tham vấn, hợp tác an ninh cấp cao nhằm trao đổi một cách bình đẳng và thực chất về các vấn đề an ninh khu vực và quốc tế quan trọng, bàn về hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực, đồng thời thống nhất những biện pháp nhằm đối phó với những vấn đề an ninh chung trong khu vực, nhất là những thách thức an ninh phi truyền thống, hướng tới mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN hòa bình và thịnh vượng. Dưới sự chủ trì của Việt Nam, Hội nghị MACOSA lần thứ nhất đã thông qua những mục đích, nguyên tắc và các nội dung lớn về hợp tác an ninh trong ASEAN, tạo nền tảng bền vững cho việc xây dựng một cơ chế hợp tác an ninh chặt chẽ, hiệu quả hơn cho khu vực. Sáng kiến MACOSA và việc tổ chức thành công Hội nghị MACOSA lần thứ nhất đã góp phần tăng cường những nền tảng thiết chế và thực tiễn cho việc bảo đảm an ninh khu vực, làm đậm thêm những đóng góp mang tính dấu ấn của Việt Nam trong năm Chủ tịch ASEAN 2010. Việt Nam cũng đã đề xuất cơ chế hợp tác cứu trợ thảm họa và hỗ trợ ngư dân trên biển, đồng thời kêu gọi sự phối hợp chặt chẽ giữa các nước ASEAN nhằm đối phó với những mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang nổi lên đáng lo ngại trong khu vực. Các nước đã nhất trí với đề xuất của Việt Nam về việc tăng cường hợp tác trong hỗ trợ nhân đạo đối với người và tàu thuyền bị nạn trên biển như một biện pháp thiết thực nhằm cụ thể hóa tinh thần giúp đỡ lẫn nhau của ASEAN. Trong quá trình xây dựng ý tưởng Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN (APSC), Việt Nam đã chủ động và tích cực đóng góp quan trọng về nội dung, đưa ra một số sáng kiến trong việc soạn thảo các thể chế APSC. Việt Nam thể hiện rõ vai trò là một

nhân tố quan trọng góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản, định hướng phát triển đúng của ASEAN, nhất là nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp, thúc đẩy triển khai tiến trình vận hành APSC theo hướng phù hợp với bối cảnh khu vực nhưng vẫn bảo đảm cho APSC phát huy hiệu quả tốt nhất trong việc xây dựng và thúc đẩy môi trường an ninh cho khu vực. Việt Nam đã tích cực tham gia vào việc hoàn thiện chương trình hành động về APSC và đăng cai tổ chức Hội nghị các quan chức cấp cao (SOM) về APSC. Chương trình hành động APSC đã tiếp thu quan điểm an ninh toàn diện do Việt Nam đề xuất, và Việt Nam đã nỗ lực vận động để đưa vào nội dung Chương trình hành động quy định việc ngăn chặn sự can thiệp quân sự từ bên ngoài vào dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là các quốc gia thành viên không được cho phép dùng lãnh thổ của mình để tiến hành các hoạt động chống phá các quốc gia thành viên khác. Điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và ý thức đoàn kết cộng đồng của Việt Nam, củng cố sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau và đó là nền tảng cho ổn định khu vực.

Ngay từ khi mới trở thành thành viên của ASEAN, Việt Nam đã tích cực cùng các nước ASEAN soạn thảo Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Hiệp ước được ký tháng 12 năm 1995 là một thắng lợi lớn của các nước ASEAN trong củng cố hoà bình và an ninh khu vực. Qua đó, góp phần đảm bảo tốt hơn môi trường an ninh khu vực của Việt Nam ở bình diện chiến lược. Khi đảm nhiệm vai trò chủ tịch ASEAN và ARF, Việt Nam đã chủ động nêu sáng kiến và tổ chức thành công cuộc họp tham khảo ý kiến giữa

Việt Nam và một số cường quốc có vũ khí hạt nhân, thúc đẩy tích cực quá trình các nước này tham gia Nghị định thư về SEANWFZ. Quá trình Việt Nam tham gia ARF, với ASEAN đóng vai trò hạt nhân, góp phần tích cực trong việc tạo dựng một môi trường an ninh bền vững cho Việt Nam. Điều này thể hiện rõ ở một số điểm cơ bản sau: Một là, Việt Nam thông qua ARF để hợp tác với các nước ASEAN và các đối tác, đặc biệt là các nước lớn có ảnh hưởng hàng đầu ở khu vực, giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh môi trường, thiên tai, dịch bệnh, an ninh lương thực, hợp tác chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia. Hai là, thông qua ARF, Việt Nam giảm được sự nghi kỵ, tăng cường xây dựng niềm tin, thúc đẩy hợp tác thiết thực với các nước Đông Nam Á và các nước đối tác khác của ASEAN trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

Hiện nay, ARF đã chuyển sang triển khai ngoại giao phòng ngừa - giai đoạn hai trong tiến trình ba giai đoạn hợp tác an ninh của diễn đàn này. Việt Nam và một số nước thành viên còn không ít những nghi ngại do ngoại giao phòng ngừa là một khái niệm mới xuất hiện ở thời kỳ sau chiến tranh lạnh và vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện về nội dung. Tuy nhiên, Việt Nam đã từng bước tiếp cận linh hoạt để có thể phát huy hữu hiệu vai trò của ngoại giao phòng ngừa, thúc đẩy kiến tạo một môi trường an ninh - quốc phòng có lợi cho công cuộc xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN (APSC) đang được các nước ASEAN xây dựng có nhiều nội dung cốt lõi phù hợp yêu cầu phát triển của Việt Nam. Năm 2004, ASEAN thông qua kế hoạch hành động Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC POA). Việc Hiến chương

ASEAN có hiệu lực cuối tháng 12 năm 2008 là một bước tiến rất quan trọng trong tiến trình xây dựng APSC. Tại Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN trước thềm Hội nghị cấp cao ASEAN 17 diễn ra vào cuối tháng 10 năm 2010, các bộ trưởng đã thông qua Tuyên bố ASEAN về hợp tác tìm kiếm và cứu trợ người và tàu thuyền bị nạn trên biển, Quy tắc trình các tranh chấp không giải quyết được lên Cấp cao ASEAN và Quy tắc Ủy quyền ký kết các giao dịch theo nội luật nhằm cụ thể hóa và phục vụ triển khai Hiến chương ASEAN, nhất là trên lĩnh vực an ninh, có ý nghĩa tích cực đối với tiến trình ASC. Cũng trước thềm Hội nghị cấp cao ASEAN 17, Hội nghị những người đứng đầu cơ quan an ninh các nước ASEAN lần thứ nhất đã diễn ra. Đây là sáng kiến của Việt Nam được các nước ASEAN đánh giá cao, góp phần tăng cường tính gắn kết và hợp tác hiệu quả giữa cơ quan an ninh các nước thành viên.

APSC hoạt động dựa trên nguyên tắc cơ bản là tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đồng thuận, giải quyết xung đột bằng con đường hoà bình. Các văn kiện điều phối hoạt động của APSC có ZOPFAN, TAC, SEANWFZ, Hiến chương ASEAN. APSC thừa nhận cách tiếp cận an ninh toàn diện. Vì vậy, APSC công nhận sự ổn định chính trị và xã hội, sự thịnh vượng về kinh tế, sự thu hẹp khoảng cách phát triển và bất công xã hội sẽ là nền tảng vững chắc cho APSC. Theo đuổi mục tiêu an ninh toàn diện sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam và ASEAN hợp tác chặt chẽ với nhau trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống mà khu vực đang phải đối diện. APSC là một cộng đồng mở, hướng ra bên ngoài, gắn

kết bạn bè, nhất là các nước đối thoại, đồng thời củng cố và tăng cường vai trò hạt nhân của ASEAN đối với ARF. Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm từng nhấn mạnh rằng: “ *Cộng đồng An ninh ASEAN không nhằm tạo ra khối phòng thủ chung, mà mục tiêu là tạo dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng hợp tác chính trị - an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với sự tham gia, đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài*” [11, tr.69]. Rõ ràng là, nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của APSC phù hợp với nhu cầu, cách tiếp cận đối với môi trường an ninh khu vực của Việt Nam. Có thể nói, quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước ASEAN là một hoạt động đối ngoại cơ bản góp phần tạo dựng một môi trường an ninh khu vực hoà bình, hữu nghị, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia, trị an xã hội, phát triển kinh tế. Việc hợp tác chặt chẽ với các nước ASEAN càng trở nên bức thiết khi mà các vấn đề an ninh phi truyền thống như môi trường sinh thái, khủng bố, chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, dân tộc, an ninh lương thực, dịch bệnh, thiên tai ngày càng có những diễn biến mới nghiêm trọng, phức tạp. Việt Nam được dư luận quốc tế đánh giá là một trong những nước có môi trường an ninh, chính trị ổn định. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thu hút đầu tư nước ngoài, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rõ những giới hạn trong hợp tác an ninh - quốc phòng với các nước ASEAN. Trong quá trình tham gia hợp tác an ninh cùng các nước ASEAN, Việt Nam cần kiên trì đấu tranh giữ vững nguyên tắc đồng

thuận, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh, chính trị. Một khi những nguyên tắc này không còn được thực hiện, cũng có nghĩa là bản sắc, chủ quyền an ninh quốc gia của Việt Nam sẽ đứng trước những thách thức lớn. Phân tích động thái tình hình chính trị, an ninh của Việt Nam hiện nay, có thể thấy, tuy không phải trực tiếp đối diện với mối đe dọa xâm lược từ bên ngoài, nhưng nguy cơ về một mối đe dọa như vậy vẫn tiềm tàng. Giả định trong trường hợp xảy ra xung đột, liệu Việt Nam có thể trông cậy vào ASEAN hoặc ARF? Câu trả lời chắc chắn ở đây là không thể, vì hầu hết các nước ASEAN sẽ không sẵn sàng coi mối đe dọa mà Việt Nam phải đối phó cũng là mối đe dọa của chính họ. Sự giúp đỡ của ASEAN đối với Việt Nam trước hết và chủ yếu chỉ là về tinh thần. Còn ARF chỉ là một diễn đàn đối thoại về an ninh với cơ chế lỏng lẻo, tác dụng của nó chỉ là giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, qua đó giảm nghi kỵ giữa các nước khu vực. Bởi vậy, trách nhiệm đảm bảo an ninh quốc gia của Việt Nam vẫn phải do Việt Nam tự gánh vác. Trong điều kiện hiện nay và những năm tới, Việt Nam cũng không thể dựa hẳn vào bất kỳ một nước lớn nào để đảm bảo an ninh cho mình, làm như vậy thậm chí sẽ dẫn đến những hệ lụy khôn lường. Sự lựa chọn khả dĩ và đúng đắn nhất đối với Việt Nam là khôn khéo phát triển quan hệ hợp tác với tất cả các nước lớn có lợi ích an ninh ở Đông Nam

Á và châu Á - Thái Bình Dương, xác lập thế cân bằng với các nước này, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, đồng thời chủ động tăng cường quan hệ với Nga, Ấn Độ, Nhật Bản và EU.

2.2 Đóng góp trong vấn đề hợp tác kinh tế

Việt Nam luôn nghiêm túc thực hiện các cam kết hội nhập và liên kết kinh tế trong ASEAN theo Hiệp định CEPT/AFTA, nỗ lực thúc đẩy sự gắn kết chặt chẽ về kinh tế giữa các quốc gia thành viên, hướng tới hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015. Chỉ một năm sau khi gia nhập ASEAN, năm 1996, Việt Nam đã công bố đưa 875 mặt hàng và năm 1997 đưa thêm 621 mặt hàng vốn đã có thuế suất bằng 0-5% hoặc nhỏ hơn 20% vào thực hiện CEPT/AFTA. Trong hai năm tiếp theo, Việt Nam tiếp tục đưa 3.582 mặt hàng vào danh mục trên, đồng thời trình danh mục các mặt hàng nhạy cảm của mình bao gồm 10 nhóm mặt hàng chính, xúc tiến đơn giản hóa một bước các biện pháp phi quan thuế. Theo đúng cam kết hội nhập AFTA, đến năm 2003 Việt Nam đã cơ bản hoàn thành việc thực hiện CEPT với 97% tổng số dòng thuế giảm xuống mức thuế suất tối đa là 20%, và đến năm 2006 thì mức thuế suất tiếp tục được cắt giảm xuống 0-5% với hơn 84 5000 dòng thuế [4, tr.169]. Tại Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 39, Việt Nam cũng đã trình Kế hoạch tổng thể hội nhập ngành dịch vụ hậu cần, và để thực hiện Kế hoạch đó, Việt Nam đã ký cam kết mở cửa dịch vụ trong khuôn khổ AFAS trên 6 lĩnh vực.

Đến năm 2010, Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu cho gần 10.000 dòng thuế xuống mức 0-5% theo CEPT/AFTA, chiếm 97,8% số dòng thuế trong biểu thuế, trong đó có 5.488 dòng thuế ở mức thuế suất 0% [5, tr.3]. Việt Nam đã cơ bản hoàn thành cắt giảm thuế quan theo Hiệp định CEPT/AFTA; đạt mục tiêu AFTA đã định sau mười năm (sớm hơn dự kiến 5 năm). Dù trình độ phát triển chưa bằng một số nước trong khu vực nhưng với kết quả đó, Việt Nam được đánh giá

là một trong 4 thành viên ASEAN có tỷ lệ hoàn thành tốt nhất các cam kết trong Lộ trình tổng thể thực hiện Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Điều đó góp phần tăng cường liên kết kinh tế nội khối, đưa ASEAN trở thành một cơ sở sản xuất khu vực có khả năng cạnh tranh và hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư. Việt Nam cũng chú trọng tham gia một cách chủ động, tích cực và toàn diện vào tiến trình tự do hóa và liên kết ASEAN trên các lĩnh vực khác từ các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, tài chính tiền tệ, công nông nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, viễn thông, đến các lĩnh vực mới như bảo hộ sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng.

Tuy Việt Nam đã cố gắng thực hiện tốt lộ trình hội nhập kinh tế khu vực, nhưng do xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, sức cạnh tranh còn nhiều hạn chế, đi đôi với chính sách bảo hộ những mặt hàng có sức cạnh tranh thấp và nhạy cảm nên Việt Nam gặp không ít khó khăn trong hội nhập CEPT/AFTA và phần nào hạn chế tính hiệu quả của sự hội nhập và liên kết kinh tế của Việt Nam trong ASEAN.

Cùng với việc thực hiện đúng cam kết trong khuôn khổ AFTA, Việt Nam cũng đã tích cực đưa ra và thúc đẩy triển khai thực hiện các sáng kiến, các chương trình hợp tác liên kết kinh tế nội khối khác như Hiệp định khung về Khu vực tự do hóa mậu dịch ASEAN (AFAS), “Chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN” (AICO) và Khu vực đầu tư ASEAN (AIA), Sáng kiến kết nối ASEAN. Việt Nam cũng đã đưa ra sáng kiến quan trọng về hợp tác phát triển kinh tế các vùng nghèo liên quốc gia dọc hành lang Đông - Tây (WEC) và đóng góp tích cực vào các chương trình dự án lớn của ASEAN như Sáng kiến hội nhập

ASEAN nhằm hỗ trợ các thành viên mới (IAI- Việt Nam 2001), các sáng kiến hợp tác tiểu vùng như Chương trình hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Ủy hội sông Mê Công (MRC), Hợp tác ASEAN về phát triển lưu vực sông Mê Công (AMBDC), Tam giác phát triển Cam-pu-chia - Lào - Việt Nam (CLV), Hợp tác 4 nước Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam và Mi-an-ma (CLMV)...

Với sự cố gắng của chủ nhà Việt Nam, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội (4/2010), các nhà lãnh đạo ASEAN đã ra “Tuyên bố về phục hồi và phát triển bền vững” nêu rõ quyết tâm củng cố và xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015. Lần đầu tiên, ASEAN đưa ra một mô hình phát triển Cộng đồng Kinh tế ASEAN dựa trên sự hài hòa của nhiều chính sách từ kinh tế đến xã hội, môi trường, chính sách quản lý kinh tế vĩ mô. Cũng trong năm Chủ tịch ASEAN 2010, Việt Nam đã nỗ lực thúc đẩy việc đưa vào thực hiện nhiều hiệp định quan trọng liên quan đến AEC đang bị chậm tiến độ như Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định Đa phương về tự do hóa hoàn toàn vận tải hàng không, Hiệp định khung ASEAN về hàng quá cảnh... Trên cương vị Chủ tịch Nhóm đặc trách về Kết nối ASEAN, Việt Nam cũng nỗ lực cùng ASEAN tập trung hoàn tất xây dựng Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN, đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch công tác IAI giai đoạn II nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự liên kết kinh tế chặt chẽ hơn giữa các quốc gia thành viên, nhất là ở khu vực Tiểu vùng Mê Công. Trên lĩnh vực thương mại và đầu tư: Từ khi gia nhập ASEAN, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và ASEAN có mức tăng trưởng cao. Hiện ASEAN

là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ ba của các doanh nghiệp Việt Nam, chỉ sau thị trường Hoa Kỳ và thị trường các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU). Còn ở chiều ngược lại, ASEAN là đối tác thương mại cung cấp nguồn hàng hóa lớn thứ hai cho các doanh nghiệp Việt Nam, chỉ đứng sau Trung Quốc. So với năm 2002, thương mại hai chiều ASEAN và Việt Nam đã tăng hơn 3 lần, đạt gần 30 tỷ USD vào năm 2008, chiếm 21% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Cũng trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang ASEAN là 28,4% và nhập khẩu là 27%. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN tăng từ 1,1 tỷ USD năm 1995 lên mức 6,3 tỷ USD năm 2006 và lên tới 8,9 tỷ USD năm 2009. [45]

Trong 6 tháng đầu năm 2010, tổng trị giá trao đổi hàng hoá giữa Việt Nam và các nước ASEAN tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 18% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường ASEAN trong 6 tháng đầu năm 2010 đạt hơn 5,24 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2009 và chiếm 16,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Cũng theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm, các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ thị trường các nước ASEAN hơn 7,58 tỷ USD, giảm 28,3% so với 6 tháng năm 2009 và chiếm tới 19,6% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước từ tất cả các thị trường trên thế giới .

Những đối tác thương mại lớn nhất trong ASEAN của Việt Nam là Singapore với tổng trị giá hàng hoá trao đổi giữa hai nước là 3,25 tỷ USD. Tiếp theo là Thái Lan: 3,12 tỷ USD và Malaixia: 2,43 tỷ USD. [46]

Bảng : Tỷ trọng và thứ hạng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của các nước thành viên ASEAN trong năm 2009 với Việt Nam

Tỷ trọng và thứ hạng	Xingapo	Thái Lan	Malaisia	Indônêxia	Philippin	Campuchia	Lào	Mianma	Brunây
Xuất khẩu									
Tỷ trọng so với tổng các thị trường ASEAN của Việt Nam(%)	24,4	14,7	19,6	8,7	17,0	13,3	2,0	0,4	0,1
Thứ hạng	1	4	2	6	3	5	7	8	9
Nhập khẩu									
Tỷ trọng so với tổng các thị trường ASEAN của Việt Nam(%)	30,8	32,7	18,1	11,2	3,6	1,3	1,8	0,5	0,01
Thứ hạng	2	1	3	4	5	7	6	8	9
Xuất nhập khẩu									
Tỷ trọng so với tổng các thị trường ASEAN của Việt Nam(%)	28,2	25,3	18,3	10,0	8,6	5,8	1,8	0,4	0,04
Thứ hạng	1	2	3	4	5	6	7	8	9

(Nguồn: Tổng cục Hải quan) [19, tr.86]

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Cho tới nay, ASEAN cũng đang là một trong những nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến quý 2 năm 2010, trừ Mianma thì tất cả các nước ASEAN đã có dự án đầu tư được cấp phép tại Việt Nam, trong đó, những thành viên ASEAN có vốn đầu tư lớn vào Việt Nam là Xingapo (trên 17 tỷ USD), Malaixia (18 tỷ USD) và Thái Lan (5,6 tỷ USD), Brunây (4,6 tỷ USD). Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ ASEAN vào Việt Nam tập trung trong các lĩnh vực dịch vụ, giao thông vận tải, địa ốc, bưu điện, khách sạn du lịch, tài chính ngân hàng, gia công hàng may mặc, chế biến lương thực thực phẩm, văn hoá - giáo dục.

Ngược lại, Việt Nam cũng có hàng trăm dự án đầu tư vào các nước ASEAN với số vốn hàng tỷ USD. Trong những năm gần đây các doanh nghiệp Việt Nam không ngừng thúc đẩy đầu tư vào các nước ASEAN, nhất là các nước Lào, Campuchia, Mianma. Năm 2008, 2009 Việt Nam đứng đầu về đầu tư tại Lào với 200 dự án với tổng số vốn 2,1 tỷ USD trên các lĩnh vực: công, nông, lâm nghiệp. Đầu tư Việt Nam vào Campuchia cũng không ngừng tăng mạnh. Tính đến hết năm 2009 có 63 dự án đầu tư tại Campuchia, với tổng số vốn đăng ký đạt gần 900 triệu USD, quy mô trung bình đạt 14,2 triệu USD/dự án. Việt Nam trở thành nhà đầu tư lớn thứ 3 tại Campuchia [21, tr.34]. Trong khi vốn FDI của ASEAN chảy vào Việt Nam có phần bị ngưng trệ bởi khủng hoảng tài chính thì các tập đoàn lớn Việt Nam lại không ngừng xúc tiến đầu tư sang các nước láng giềng ASEAN.

Quốc tế hóa đời sống kinh tế là xu thế khách quan mang tính quy luật đòi

với mọi quốc gia. Xu hướng quốc tế hóa đời sống kinh tế do sự phát triển của lượng sản xuất và phân công lao động quốc tế quy định. Phân công lao động quốc tế tất yếu dẫn đến sự chuyên môn hóa, hợp tác hóa quốc tế. Giữa các quốc gia hình thành sự phụ thuộc lẫn nhau, vừa cạnh tranh vừa hợp tác để cùng phát triển. Sự phụ thuộc này không đồng nghĩa với sự lệ thuộc một chiều, trái lại, nó gắn với độc lập chủ quyền trong một chính thể thống nhất, đồng thời là điều kiện để ổn định và phát triển tình hình kinh tế - chính trị của mỗi quốc gia. Bản thân phân công lao động quốc tế là sự phủ định quan điểm tự cấp tự túc và chính sách khép kín nền kinh tế. Mỗi quốc gia phải mở cửa ra thị trường quốc tế, chủ động tham gia phân công lao động quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực để có khuôn khổ phù hợp với sự phát triển.

Quá trình quốc tế hóa tiếp tục diễn ra với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng cao trong tất cả những lĩnh vực của đời sống kinh tế thế giới như: trao đổi thương mại, tổ chức sản xuất, nghiên cứu khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo...Điều đó làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một chính thể thống nhất, trong đó mỗi quốc gia là một chủ thể có sự gắn kết chặt chẽ với nhau.

Với Thái Lan

Quan hệ chính trị giữa hai nước bắt đầu khởi sắc từ năm 1992, đến năm 1998 quan hệ giữa hai quốc gia Việt Nam - Thái Lan chính thức chấm dứt thời kỳ “đông lạnh”. Hàng loạt tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, các nhà kinh doanh Thái Lan đã đặt chân tới Việt Nam để tìm hiểu thị trường, đồng thời đặt cơ sở hợp tác đầu tiên với các doanh nghiệp Việt Nam. Hàng loạt các cuộc thăm quan tìm hiểu thị trường Việt Nam của các nhà kinh doanh Thái Lan đã tạo

không khí sôi nổi khẩn trương trong giới kinh doanh Thái Lan muốn tiến vào làm ăn tại Việt Nam. Sở dĩ như vậy vì họ thấy rằng mặc dù Việt Nam đang bị cấm vận nhưng đã bắt đầu có một loạt doanh nghiệp của các quốc gia tư bản đã có mặt tại Việt Nam.

Còn về phía Việt Nam, trong khi chờ đợi Mỹ hủy bỏ lệnh cấm vận thì Việt Nam cần dựa vào các nước khác trên thế giới để tìm kiếm sự hỗ trợ cho mục tiêu hội nhập nền kinh tế của mình vào nền kinh tế Châu Á. Và Thái Lan là một quốc gia mà Việt Nam có thể hy vọng tìm kiếm được sự hỗ trợ đó.

Sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, quan hệ Việt Nam - Thái Lan ngày càng cởi mở và năng động. Sự tin cậy cao hơn về chính trị đã dẫn tới sự đồng thuận giữa hai nước trên nhiều vấn đề song phương, khu vực và quốc tế. Hai bên đã thiết lập nhiều cơ chế hợp tác như Hợp nội các chung, hợp nhóm công tác chung về an ninh chính trị, hợp cơ chế tư vấn hai bộ trưởng ngoại giao, hợp tác trong Tiểu vùng Mê Công... Hai nước cũng đã hợp tác giải quyết tốt vấn đề quy chế công dân của Việt kiều tại Thái Lan, vấn đề thêm lục địa và những vấn đề an ninh, hàng hải và ngư dân trên vịnh Thái Lan.

Năm 2009, kim ngạch mậu dịch Việt Nam – Thái Lan đạt 5,780 tỷ USD, trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan đạt 1,266 tỷ USD và nhập khẩu từ Thái Lan là 4,514 tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm 2010, kim ngạch trao đổi thương mại giữa hai nước đạt 3,2 tỷ USD, tăng 28,52% so với cùng kỳ năm 2009.[47] Thái Lan là bạn hàng lớn thứ hai của Việt Nam trong ASEAN (chỉ sau Xing-po), chiếm 25,3% tổng kim ngạch thương mại Việt Nam – ASEAN. Hiện Thái Lan đứng thứ 10 trong tổng số hơn 100 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào

Việt Nam, với trên 5,7 tỷ USD vốn đầu tư vào 216 dự án đang hoạt động. Hợp tác du lịch, giáo dục, thể thao, văn hóa giữa hai nước cũng phát triển mạnh. 15 năm gia nhập ASEAN là khoảng thời gian không dài trong lịch sử 43 năm tồn tại của Hiệp hội, nhưng Việt Nam đã khẳng định được vị trí, vai trò và có những đóng góp có ý nghĩa của mình trong ASEAN. Những kết quả mà Việt Nam làm được sau 20 năm gia nhập không chỉ góp phần đưa ASEAN trở thành một tổ chức vững mạnh, ngày càng có vị thế cao trên thế giới mà còn góp phần tạo ra cho Việt Nam nhiều cơ hội thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước.

Với Xingapo

Xingapo là quốc gia phát triển nhất trong ASEAN, do đó Việt Nam chủ trương đẩy mạnh hợp tác toàn diện với nước này, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ. Xingapo có thế mạnh về vốn, công nghệ, trình độ quản lý. Việt Nam có thế mạnh về tài nguyên và nhân lực, lại là nền kinh tế đang phát triển nhanh. Vì vậy, hai nước có thể bổ trợ đặc lực cho nhau để cùng phát triển. Các cuộc viếng thăm và tiếp xúc cấp cao giữa hai nước diễn ra dồn dập hàng năm và năm 2004 hai bên đã ký “Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện trong thế kỷ XXI”, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai nước phát triển toàn diện. Trên cơ sở đó, năm 2005 hai nước đã ký kết Hiệp định khung về kết nối hai nền kinh tế. Ngoài ra hai bên cũng đã ký kết hàng loạt những hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác nhau như Hiệp định thương mại (24/9/1992); Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư (29/10/1992); Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (02/3/1994)... Xingapo hiện là đối tác thương mại

và đầu tư số 1 của Việt Nam trong ASEAN và cũng là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam trên thế giới.

Ngược lại, Việt Nam cũng là thị trường lớn về hợp tác thương mại và là điểm đến hàng đầu của các nhà đầu tư Xingapo. Thương mại hai chiều giữa hai nước tăng nhanh chóng qua các năm, đến năm 2009 đạt 6,324 tỷ USD. Xingapo là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, chiếm 28,2% tổng thương mại của Việt Nam với ASEAN[19, tr.96]. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang Xingapo dầu thô, máy vi tính và linh kiện, hải sản, gạo, hàng dệt may, giấy dệp, cà phê, rau quả...; nhập khẩu từ Xingapo xăng dầu, máy vi tính và linh kiện, máy móc thiết bị, chất dẻo, kim loại, hóa chất...

Về đầu tư, Xingapo luôn là nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Tính đến nay, lượng đầu tư của Xingapo vào Việt Nam đã đạt trên 17,3 tỷ USD, góp mặt trong top năm nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Xingapo đã và đang triển khai những dự án đầu tư lớn rất hiệu quả tại Việt Nam và trở thành những dự án kiểu mẫu trong hợp tác đầu tư nước ngoài ở Việt Nam như khu công nghiệp Việt Nam

–Xingapo 1 và 2. Ngoài ra, quan hệ Xingapo - Việt Nam còn đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận khác ở các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, xã hội. Xingapo hiện là một trong những điểm đến hàng đầu của các du học sinh, sinh viên Việt Nam. Chương trình hợp tác Xingapo khởi động từ năm 1992, đến nay đã có hơn 11.000 người Việt Nam tham gia vào các khóa đào tạo, các hội nghị tập huấn, các cuộc trao đổi, viếng thăm, làm việc và học tập kinh nghiệm, nhất là các khoá học về Anh ngữ và quy hoạch đô thị.

Với Lào và Campuchia

Quan hệ hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt-Lào tiếp tục được Việt Nam chủ động củng cố và tăng cường. Quan hệ hai nước ngày càng mật thiết, không ngừng được đổi mới và đi vào chiều sâu. Các cuộc tiếp xúc từ cấp cao cho đến mọi cấp, mọi ngành, đến các địa phương được duy trì thường xuyên và mở rộng với tần suất ngày càng dày.

Trên cơ sở quan hệ chính trị rất tốt đẹp, trong những năm gần đây, lãnh đạo hai nước đã chủ động thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hai nước đi vào thực chất hơn bằng cách tăng cường sự hợp tác, gắn kết về kinh tế, văn hóa, xã hội, coi đó là nhân tố gắn kết mối quan hệ hai nước một cách bền vững nhất. Các hình thức trao đổi, hợp tác hết sức phong phú và đa dạng trên mọi lĩnh vực, mọi cấp độ ngày càng được đẩy mạnh trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi nhưng có sự ưu đãi cho nhau phù hợp với mối quan hệ chính trị đặc biệt và sự tin cậy hoàn toàn. Bên cạnh sự ủng hộ Lào về chính trị, Việt Nam đã hỗ trợ mạnh mẽ cho Lào trong phát triển kinh tế, hội nhập với khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của Lào trên trường quốc tế. Việt Nam đã hỗ trợ Lào gia nhập ASEAN và tham gia các diễn đàn và tổ chức đa phương do ASEAN là trung tâm, giúp Lào tổ chức các sự kiện lớn của ASEAN như Cấp cao ASEAN 2004, SEAGAMES 2009...

Trong quan hệ hợp tác và liên kết kinh tế, trong những năm gần đây, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Lào ngày càng đạt được sự phát triển khả quan với tốc độ buôn bán hai chiều đạt mức tăng trưởng bình quân là 27% trong giai đoạn 2006 – 2008. Năm 2009, mặc dù suy giảm kinh tế nhưng thương mại hàng hoá song phương giữa Việt Nam và Lào vẫn đạt 417,8 triệu USD và trong quý

I/2010 là 96 triệu USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, và trong 9 tháng đầu năm 2010 đạt trên 300 triệu USD [48]. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Lào với Việt Nam chiếm khoảng 16,7% tổng trị giá giao dịch ngoại thương hàng hoá của nước này. Tuy nhiên, xét trong nội khối ASEAN thì kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ Lào vào Việt Nam xếp thứ 6 (cao hơn nhập khẩu từ Campuchia, Mianma và Bru-nây) và chỉ chiếm 1,8% trị giá nhập khẩu hàng hoá từ tất cả các nước ASEAN vào Việt Nam. Trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Lào cũng chỉ chiếm gần 2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang tất cả các nước thành viên ASEAN.

Trên lĩnh vực đầu tư, Việt Nam luôn là một trong những nhà đầu tư hàng đầu tại Lào. Riêng trong hai năm 2008, 2009 Việt Nam đứng đầu về đầu tư tại Lào với 200 dự án với tổng số vốn 2,1 tỷ USD. Đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực công, nông, lâm nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, dịch vụ - những lĩnh vực mà Lào đang rất cần đầu tư. Mặc dù quan hệ hợp tác Việt - Lào những năm qua phát triển mạnh mẽ và gặt hái được rất nhiều thành tựu, tuy nhiên cũng còn nhiều mặt hạn chế, đặc biệt là hiệu quả hợp tác chưa cao, quan hệ kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của hai bên cũng như với môi trường chính trị đặc biệt giữa hai nước. Trong khi đó sự cạnh tranh kinh tế và địa chính trị giữa các nước bên ngoài đang diễn ra gay gắt ở Lào và các thế lực bên ngoài đang tìm cách chia rẽ mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào, hạn chế ảnh hưởng của Việt Nam tại Lào.

Với Campuchia: Dù tình hình ở Campuchia có nhiều thay đổi nhưng mối

quan hệ Việt Nam - Campuchia vẫn được củng cố và phát triển. Việt Nam đã kịp thời điều chỉnh quan hệ với Campuchia trong tình hình mới với phương châm láng giềng hữu nghị, đôi bên cùng có lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong những năm qua hai nước đã có những cố gắng lớn để giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ hai nước như vấn đề biên giới, vấn đề Việt kiều... Trên tinh thần láng giềng hữu nghị, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, hai nước đã kiên trì đàm phán, thương lượng giải quyết xong vấn đề phân định biên giới đất liền và phần đầu đến 2012 sẽ hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc trên biên giới hai nước. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định và ký kết thỏa thuận về phương châm chỉ đạo quan hệ hai nước với 16 chữ vàng là “Hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài”.

Trên cơ sở quan hệ chính trị được củng cố, trong những năm gần đây quan hệ hợp tác giữa hai nước đang phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về kinh tế, thương mại, đầu tư. Các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa hai nước diễn ra thường xuyên ở mọi cấp, mọi ngành. Hợp tác kinh tế giữa hai bên diễn ra sôi động, nhất là giữa các địa phương biên giới hai nước, mậu dịch biên mậu gia tăng nhanh chóng. Cùng với hợp tác song phương, hai nước còn thúc đẩy sự liên kết hợp tác qua các khuôn khổ đa phương, tiểu vùng như Tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia, hợp tác tiểu vùng sông Mê Công, Hợp tác 4 bên Việt Nam – Lào – Campuchia – Mianma... Năm 2009, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt gần 1,4 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất sang Campuchia trị giá 1.147 USD và nhập từ Campuchia trị giá 186 triệu USD. Chỉ trong 9 tháng

năm 2010, thương mại song phương hai nước đã đạt 1,29 tỷ USD, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2009. Campuchia là bạn hàng lớn thứ 6 và chiếm 5,8% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với ASEAN [49].

Đầu tư Việt Nam vào Campuchia cũng không ngừng tăng mạnh trong mấy năm gần đây. Tính đến hết năm 2009 có 63 dự án đầu tư của Việt Nam tại Campuchia, với tổng số vốn đăng ký đạt gần 900 triệu USD, đứng vị trí thứ 3 trong tổng số 50 quốc gia, vùng lãnh thổ thu hút vốn đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam. Mặc dù quan hệ hai nước đang phát triển thuận lợi, nhưng vẫn chứa đựng những yếu tố không ổn định bởi vấn đề biên giới lãnh thổ và bởi âm mưu chia rẽ của các thế lực bên ngoài.

2. 3 Về hợp tác văn hóa - xã hội

Một trong những nguyên nhân có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của ASEAN chính là cội nguồn bản sắc văn hoá của khu vực. Quá trình toàn cầu hoá, một mặt là tác nhân quan trọng góp phần tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của khu vực ASEAN, mặt khác, cũng tác động không nhỏ đến bản sắc văn hoá của khu vực này. Trong lĩnh vực giao lưu văn hoá, toàn cầu hoá luôn là một con dao hai lưỡi. Một mặt nó tạo điều kiện cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau, qua đó tăng thêm sự hiểu biết đối với các nền văn hoá khác nhau, nhưng mặt khác nó cũng tạo nên nguy cơ về “ *sự đồng nhất hoá các hệ thống giá trị, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hoá, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của nhân loại*” (UNESCO) [50]. Do vậy, hợp tác vì một nền văn hoá ASEAN đầy bản sắc, đa dạng trong thống nhất là một mục tiêu cao cả mà Chính phủ và nhân dân các nước ASEAN đã và đang tiến hành.

Kể từ tháng 7/1995, sau 20 năm tham gia vào tổ chức này, Việt Nam đã hội nhập vào hầu hết các lĩnh vực hợp tác của ASEAN, chủ yếu ở ba vấn đề: an ninh - chính trị, kinh tế và văn hoá - xã hội. Trong đó hợp tác văn hóa ASEAN nói chung và hợp tác văn hoá giữa Việt Nam và ASEAN nói riêng đạt hiệu quả và thu được nhiều thành công nhất, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp trong tương lai. Có thể nói, chưa bao giờ Việt Nam lại có điều kiện thuận lợi để giới thiệu văn hoá Việt Nam sâu rộng tại các nước ASEAN như trong thời gian qua. Việc Việt Nam tổ chức thành công các hoạt động văn hoá lớn của ASEAN tại Việt Nam cũng như tham gia tích cực, có chất lượng vào các hoạt động được tổ chức tại các nước khác đã góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh về đất nước Việt Nam. Thông qua các hoạt động văn hoá, những người làm công tác văn hoá, các nghệ sỹ Việt Nam có điều kiện giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các nước trong khu vực. Một trong những hoạt động hợp tác có hiệu quả giữa Việt Nam với ASEAN là hợp tác văn hoá thông qua Ủy ban Hợp tác Văn hoá và Thông tin của ASEAN (ASEAN - COCI) .

2.3.1 Trong lĩnh vực hợp tác văn học và nghiên cứu

Tại Hội nghị “Sách vì mọi người của các nước ASEAN” từ ngày 13-15/8/1996 tại Kuala Lumpur (Malaysia) đã thông qua những nghị quyết về việc xuất bản, thúc đẩy và phân phối phát hành sách và việc phát triển nguồn lực con người trong đội ngũ những người làm công tác liên quan đến sách. Trên cơ sở nhận thức rõ việc phát hành sách là dòng chảy giao lưu tự do của thông tin, sẽ góp phần quan trọng vào sự phát triển văn hoá, xã hội, kinh tế và chính trị, Việt Nam đã tham gia một cách tích cực và đạt được nhiều thành công như: Hội thảo

các nhà văn ASEAN; Dự án Xuất bản sách (giai đoạn Ib); Dự án Xuất bản sách (giai đoạn Ic); Dự án văn hoá ASEAN; Tham dự cuộc họp về bảo tàng tại Philippines (4/1997); Hội nghị về phát triển sách của ASEAN; Cuộc họp trao đổi về lưu trữ lần thứ 6; Hội thảo về thư viện tại Singapore; Dự án “Triển lãm di sản văn hoá từ khung cử đến máy vi tính” (12/1997); Dự án “ASEAN Children’s Camp on Song, Dance, Games and Story Telling” và dự án “Publication on ASEAN Traditional Festivals” (1999)....

2.3.2 Trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và trưng bày

Đây là lĩnh vực Việt Nam thu được nhiều thành công và đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi khu vực.

Nghệ thuật biểu diễn

- Tại liên hoan múa các nước ASEAN lần thứ 4 tổ chức ở Singapore tháng 12/1996, đoàn nghệ thuật ca múa nhạc Việt Nam đã tham gia cùng với các nước ASEAN. Chương trình biểu diễn của đoàn được coi là hấp dẫn nhất, thu hút sự chú ý của đông đảo khán giả. - Tại Hội thảo về nghệ thuật múa dân gian các nước ASEAN, Việt Nam có bản tham luận chuyên đề “ *Nông thôn Việt Nam, bảo tàng sống của múa dân gian cổ truyền*”. Bản tham luận được minh hoạ bằng ngôn ngữ múa qua diễn xuất của các nghệ sĩ múa Việt Nam. Ngoài việc cử các đoàn nghệ thuật đi tham dự các Festival như liên hoan quốc tế Xylophone ở Thái Lan (Việt Nam cử 10 diễn viên và nhạc công của đoàn ca múa nhạc Đắc Lắc với 8 nhạc cụ dân tộc là đàn đá, công, chiêng Êđê, chiêng kram...), Việt Nam cũng đã tổ chức hai cuộc liên hoan ca nhạc năm 1996 và 1997 mang tên “Liên hoan giọng hát vàng Hà Nội - ASEAN’ 96” và “ *Liên hoan giai điệu bạn bè Việt Nam*

- ASEAN - Hà Nội 97". Tại các cuộc liên hoan, các ca sĩ, nghệ sĩ Việt Nam gặp gỡ giao lưu cùng các đồng nghiệp qua những lời ca, tiếng hát thấm đượm tình

đoàn kết, hữu nghị.

Nghệ thuật trung bày

Lĩnh vực này Việt Nam giành được rất nhiều giải thưởng : Năm 1996, tại nhà triển lãm Băng Cốc (Thái lan), nghệ sĩ Việt Nam Nguyễn Tấn Cương đã được nhận bằng khen danh dự cho tác phẩm “Sự Sống” (Tranh sơn dầu) trong cuộc thi mỹ thuật ASEAN '96. Một loạt các dự án được triển khai tại Việt Nam như: Tuần phim ASEAN ; Dự án Ramayana ; Dự án hợp tác văn hoá đa dân tộc ASEAN - Nhật Bản MCM ; Dự án Kênh truyền hình vệ tinh ASEAN ;..... Năm 1997, cũng tại cuộc thi mỹ thuật ASEAN được tổ chức ở Philippin, hoạ sĩ Trần Văn Thảo của Việt Nam đạt được giải thưởng và được cấp bằng chứng nhận cấp ASEAN. ASENANPEX là cuộc triển lãm tem quốc tế định kỳ của các khối ASEAN được tổ chức 2 năm 1 lần . Tại cuộc triển lãm này, cả hai tác phẩm của Việt Nam đều đạt huy chương bạc và huy chương đồng. Đây là thành tích cao nhất từ trước đến nay cho các nhà sưu tập tem Việt Nam tham gia với quốc tế, tiêu biểu cho tinh hoa, trí tuệ và trình độ sưu tập ở Việt Nam. Trong khuôn khổ các hoạt động văn hoá nghệ thuật chào mừng 30 năm thành lập ASEAN, Triển lãm liên hoan ảnh các nước ASEAN lần thứ nhất được tổ chức ở Hà Nội. Đây là lần đầu tiên có một hoạt động nhiếp ảnh quy mô của các nước ASEAN tổ chức tại Hà Nội. Việt Nam đạt một huy chương vàng . Liên hoan ảnh trở thành một hoạt động truyền thống hàng năm của tổ chức nhiếp ảnh các nước ASEAN, tạo ra mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức, các cá nhân nghệ sĩ nhiếp ảnh, góp

phần thúc đẩy giao lưu văn hoá giữa các dân tộc trong cộng đồng. Trong dịp kỷ niệm 37 năm ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tuần văn hoá ASEAN đã được khai mạc tại Nhà hát lớn Hà Nội (8/8/2004) với một chương trình nghệ thuật đặc sắc do gần 500 nghệ sĩ đến từ các nước ASEAN biểu diễn. Tuần văn hoá ASEAN ở Việt Nam là một trong các nỗ lực để duy trì và phát huy văn hoá ASEAN, khuyến khích các giá trị châu Á, tạo cơ sở cho việc phát huy các nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội. Khi tham gia giao lưu văn hoá trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và trưng bày, Việt Nam có nhiều yếu tố thuận lợi bởi chúng ta có nền văn hoá nghệ thuật từ rất sớm với những nét phong phú và độc đáo. Những yếu tố thuận lợi đó cộng với tinh thần say mê học tập, sáng tạo nghệ thuật của các nghệ sĩ Việt Nam đã tạo nên một văn hoá Việt Nam có bản lĩnh và đặc sắc trong con mắt các nước ASEAN.

2.3.3 Trong lĩnh vực phát thanh truyền hình

Phát thanh truyền hình và phim video là một trong những phương tiện truyền thông rất phổ biến và đạt hiệu quả cao. Các dự án quan trọng của COCI đã được thực hiện ở Việt Nam là: - Chương trình phát thanh “Hành động ASEAN” của Đài tiếng nói Việt Nam. - Chương trình truyền hình thiếu nhi ASEAN của Đài truyền hình Việt Nam. - Làm băng tư liệu các điệu múa ASEAN của Hội nghệ sĩ múa. - Sáng tác bài ca ASEAN của Hội nhạc sĩ Việt Nam. Để tăng cường thông tin đối ngoại, nhất là kênh thông tin với các nước trong khối, Việt Nam đã xây dựng được cấu trúc cơ bản của trang chủ về văn hoá thông tin, từng bước hoàn thiện các trang Web trong Website riêng về văn hoá thông tin và hoà nhập với các nước trong khu vực về phát triển công nghệ thông tin. Để triển khai dự án

trao đổi tin truyền hình, Việt Nam đã tích cực chuẩn bị để sớm hoà nhập với hệ thống truyền hình của các nước trong khu vực. Kênh truyền hình vệ tinh ASEAN chính thức hoạt động vào ngày 8/8/1999 nhân kỷ niệm 32 năm thành lập ASEAN, là tiếng nói chính thức của tất cả các nước thành viên ASEAN, góp phần quan trọng và hiệu quả nhất trong lĩnh vực truyền thông, làm tăng sự hiểu biết trong nhân dân ASEAN và nhân dân các nước khác trên thế giới về những giá trị truyền thống của mỗi nước thành viên. Kênh truyền hình ASEAN đóng góp vai trò quan trọng giúp các thành viên ASEAN chống lại những thông tin phiến diện, mang tính xuyên tạc về ASEAN mà một số phương tiện thông tin đại chúng của phương Tây đã và đang sử dụng. Việc tham gia kênh truyền hình vệ tinh ASEAN vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của Việt Nam đối với ASEAN. Đây là một dự án quan trọng của Ban Thư ký ASEAN và của ASEAN - COCI, được đưa ra thông qua chính thức trong Chương trình Hà Nội tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ VI . Đài Truyền hình Việt Nam đã xây dựng và triển khai dự án “ *Sản xuất chương trình và trạm phát lên vệ tinh chương trình truyền hình ASEAN* ”. Việc Việt Nam tham gia kênh truyền hình vệ tinh ASEAN là một cơ hội thuận lợi để tăng cường công tác thông tin đối 7 ngoại theo chỉ thị 11/CT-TW của Bộ Chính trị đồng thời góp phần nâng cao chất lượng về biên tập cũng như về kỹ thuật các chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực. Những nỗ lực của Việt Nam khi tham gia vào lĩnh vực này đã được ASEAN đánh giá cao. Năm 1997, Việt Nam đã được trao hai giải: Giải văn hoá cho Hội nhạc sĩ Việt Nam có công vận động sáng tác ca khúc kỷ niệm 30 năm thành lập ASEAN và Giải về Thông tin cho chương trình

ASEAN của Đài tiếng nói Việt Nam và Đài truyền hình Việt Nam. Năm 2004, Việt Nam đã được Giải thưởng Tin tức Truyền hình ASEAN hàng năm đầu tiên cho Truyền hình Việt Nam (VTV) do có những đóng góp xuất sắc cho kênh truyền hình vệ tinh Tin tức Truyền hình ASEAN (ATN) hợp tác trong khuôn khổ ASEAN. Đây là lần đầu tiên một nước ASEAN được tặng giải thưởng này. Giải thưởng do Liên đoàn phát thanh truyền hình châu Á- Thái Bình Dương (ABU) bảo trợ. VTV đã đóng góp cho ATN những tác phẩm tốt về các chủ đề hậu quả của chất độc màu da cam, mùa rỗi nước, SEA Games 22....Những tác phẩm này đã được truyền hình phát rộng rãi qua các kênh ATN và ABU rộng khắp thế giới.

2.3.4 Những đóng góp cụ thể với từng quốc gia trong ASEAN

Bên cạnh những kết quả đạt được qua hợp tác đa phương giữa Việt Nam với ASEAN- COCI, chúng ta còn có những hợp tác song phương với từng nước ASEAN tạo thêm tình hữu nghị, đoàn kết giữa các quốc gia ASEAN như: Hợp tác với Thái Lan, Lào, Malaixia và Xingapo, Mianma, Philipin.

Hợp tác với Thái Lan: Hiệp định về ký kết hợp tác văn hoá giữa Việt Nam và Thái Lan (8/1996); hai nước đã trao đổi các đoàn văn hoá; đã tổ chức lễ ký kết ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền kế cận tại Hà Nội.

Hợp tác với Lào: Trao đổi các đoàn nghệ thuật ở hai nước; Hợp tác xuất bản Việt Lào; Thực hiện dự án giúp Lào xây Bảo tàng Cay Xỏn Phôm Vi Hản theo hiệp định giữa hai chính phủ.

Hợp tác với Malaixia: Hiệp định về ký kết hợp tác văn hoá giữa Việt Nam và Malaixia (31/3/1995) tại Kuala Lumpua (Malaixia); Bản Ghi nhớ về hợp tác giữa hai nước trên lĩnh vực Thông tin (4/7/1995) tại Hà Nội; Bản Ghi nhớ Cuộc

hợp của Ủy ban Hỗ trợ lần thứ nhất về hợp tác Văn hoá giữa hai nước ký ngày 19/10/2001 tại Kuala Lumpur (Malaysia) và Bản Ghi nhớ cuộc họp lần thứ ba của Ủy ban Hỗ trợ về hợp tác Thông tin giữa hai nước cho 2 năm 2002 và 2003 ký ngày 16/10/2001 tại Kuala Lumpur.

Hợp tác với Liên bang Mianma: Hiệp định Văn hoá giữa hai nước Việt Nam và Mianma ký ngày 12/5/2000 tại Yangon (Mianma).

Hợp tác với Ấn Độ: Hai nước đã ký Biên bản thoả thuận về hợp tác trong lĩnh vực Thông tin ký ngày 10/12/1988 tại Jakarta (Ấn Độ), và Bản Ghi nhớ giữa Chính phủ hai nước về hợp tác trong lĩnh vực Thông tin được ký ngày 22/11/1994 tại Hà Nội.

Hợp tác với Philipin: Hai nước đã ký Hiệp định Văn hoá ngày 28/3/1994 tại Hà Nội. - Hợp tác với Singapore: Biên bản thoả thuận về hợp tác trên các lĩnh vực Văn hoá- Thông tin được ký ngày 8/4/1998 tại Singapore; Hợp tác ở lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật và trưng bày. Trong quan hệ song phương với từng nước, sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, đã đánh dấu một bước tiến quan trọng cả về lượng lẫn về chất, các nước ASEAN đã hiểu và chấp nhận Việt Nam như một thành viên có uy tín và đầy tiềm năng, không còn mặc cảm e dè như trước đây, khi ta chưa gia nhập tổ chức này. Có thể thấy rằng quan hệ song phương đã thúc đẩy cho quan hệ đa phương và ngược lại.

Hợp tác ASEAN với các nước đối thoại trong lĩnh vực văn hoá và thông tin; Các dự án với Canada ; Các dự án về di sản văn hoá với Australia ; Các dự án với Trung Quốc; Chương trình trao đổi văn hoá giữa Chính phủ Cộng hoà XHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Ấn Độ; Dự án với Ấn Độ về Digital

Archive II; Hợp tác với Nhật Bản tổ chức Hội thảo về Kỹ thuật dệt; Các dự án trao đổi đoàn văn hoá và thông tin giữa ASEAN và Hàn Quốc. Riêng năm 2003 là Năm Trao đổi ASEAN- Nhật Bản, Việt Nam cùng với các nước ASEAN tham gia các dự án như: Triển lãm quốc tế về nghệ thuật đương đại ASEAN (International Exhibition on ASEAN Contemporary Art); Hành trình tàu đô đốc ASEAN: Du lịch Nhật Bản (ASEAN Flagship Voyage, Tour of Japan); Triển lãm Di sản Văn hoá ASEAN (ASEAN Cultural Heritage Exhibition); Hội trại Thanh niên ASEAN (ASEAN Youth Camp); Chương trình Trao đổi Nhân lực (People-to- People Exchange Programme); Dàn nhạc giao hưởng ASEAN-Nhật Bản (ASEAN - Japan Symphony Orchest).

Tiểu kết chương 2

Những đóng góp của Việt Nam đối với sự phát triển của ASEAN đã được khẳng định qua những thông số, những tư liệu nêu ra trong bài viết. Từ những tư liệu đó, có thể khẳng định Việt Nam có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của cộng đồng thương mại chung ASEAN. Ngay sau khi gia nhập ASEAN, quan điểm về kinh tế chính trị của Việt Nam trở nên sâu sắc và đa diện hơn. Việt Nam gia nhập ASEAN ngay sau khi Việt Nam chính thức mở cửa, xóa bỏ kinh tế bao cấp, do đó, đối với một quốc gia với nền kinh tế chính trị đang mở mang, vẫn còn sự bảo thủ của nền kinh tế bao cấp, Việt Nam cần nhanh chóng xóa bỏ nhận thức của nền kinh tế cũ, cũng như những tư tưởng lạc hậu của chế độ chính trị cũ để lại. Việt Nam cũng đã nhanh chóng trở nên hội nhập với các quốc gia khác, đặc biệt là đối với ASEAN là một tổ chức khu vực mà Việt Nam ở trong đó.

Về vấn đề chính trị, các hợp tác chính trị giữa Việt Nam và ASEAN đã được ký kết, nhằm giữ vững nền hòa bình của ASEAN, không chỉ giữa các quốc gia trong khu vực, giữa Việt Nam và các quốc gia láng giềng mà còn là giữa ASEAN với các khu vực khác, với các quốc gia ngoài khu vực. Các hội thảo, hiệp ước về an ninh chính trị cũng đã được ký kết, Việt Nam trở thành một trụ cột về an ninh chính trị của ASEAN. Với vị trí địa lý tương đối nhạy cảm, Việt Nam cùng ASEAN đã có những chính sách để giữ vững chủ quyền cũng như sự ổn định về chính trị của toàn ASEAN.

Đối với vấn đề kinh tế, sự tăng trưởng thần kỳ của nền kinh tế Việt Nam đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của toàn ASEAN, giúp cho mặt bằng chung của ASEAN được nâng cao hơn trên trường quốc tế.

Ngoài ra, với những thành tựu về mặt kinh tế, Việt Nam đã góp phần giúp đỡ các quốc gia láng giềng một cách tích cực trong những vấn đề chuyển giao kỹ thuật cũng như hỗ trợ để gia tăng sự phát triển của toàn ASEAN. Đối với vấn đề chính trị, an ninh-xã hội, chính mối quan hệ giữa các quốc gia theo đường lối xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đã giúp cho ASEAN trở thành một cộng đồng với nhiều trường phái chính trị khác nhau, tạo nên sự đa dạng trong quan hệ chính trị ngoại giao giữa các quốc gia Đông Nam Á và ngoài khu vực. Không chỉ vậy, với vị trí địa lý có tầm quan trọng, Việt Nam đã làm tốt vai trò giữ vững hòa bình chung cho các quốc gia ASEAN nói riêng cũng như toàn Châu Á nói chung. Mối quan hệ hữu nghị thân thiết với các quốc gia ASEAN cũng đã gia tăng sự ổn định cho toàn khu vực.

CHƯƠNG 3

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM VÀO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN

Liên kết, hội nhập và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc là một sự kiện mang tính quy luật trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Quan điểm mácxít cũng như các lý thuyết liên kết quốc tế đều khẳng định, giữa các quốc gia, dân tộc luôn có sự giao lưu, quan hệ với nhau, đây là một xu thế khách quan tất yếu. Trong thời đại ngày nay, dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa, đã hình thành một nền kinh tế thế giới, một xã hội mang tính toàn cầu – mà đặc trưng của nó là các quốc gia, dân tộc vừa độc lập lại vừa phụ thuộc lẫn nhau.

Trong thế giới hiện đại, không một quốc gia, dân tộc nào có thể tồn tại hoàn toàn tách biệt với các quốc gia, dân tộc khác bởi có nhiều vấn đề mang tính quốc tế có liên quan đến sự tồn vong của mỗi quốc gia, dân tộc mà không một nước nào, dù là nước lớn, có thể tự mình giải quyết được. Con đường hiệu quả nhất là phải hợp sức lại cùng nhau tìm ra giải pháp.

Sự phát triển như vũ bão của khoa học – công nghệ cũng khiến cho lực lượng sản xuất thế giới có bước phát triển nhảy vọt và mang tính xã hội hóa ngày càng cao, một thị trường thế giới hình thành trong đó các hệ thống kinh tế hạt nhân tác động qua lại với nhau một cách mạnh mẽ, vừa hợp tác song cũng vừa cạnh tranh gay gắt. Điều này khiến cho tất cả các quốc gia, dù khác nhau về thể chế chính trị, hệ tư tưởng thì cũng đều phải quan hệ, tiếp xúc với nhau nhằm mục tiêu phát triển đất nước.

Trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng, Đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhận định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng cộng sản Việt Nam luôn đặt cách mạng Việt Nam trong sự vận động, phát triển của các trào lưu cách mạng của thời đại, kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong mỗi bước đi của cách mạng Việt Nam để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nêu rõ: “ *Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*”. [41]

Triển khai đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Đảng và chính phủ Việt Nam coi trọng xây dựng và phát triển quan hệ với ASEAN. Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, trước những diễn biến nhanh chóng của tình hình thế giới và khu vực, Việt Nam ngày càng dành nhiều ưu tiên cho việc mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng trong khu vực nhằm phá vỡ thế bao vây cấm vận, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã tiến hành nhiều biện pháp để khai thông quan hệ đa phương với ASEAN và song phương với từng nước

Đông Nam Á. Việc gia nhập ASEAN trở thành một bước đột phá trong chính sách đối ngoại của nước ta và điều đó cho thấy rõ ưu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam đối với việc tham gia vào tiến trình liên kết, hội nhập khu vực và thế giới. Đây là một bước tiến của Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu hơn nữa vào tiến trình phát triển của thế giới nhằm tranh thủ cơ hội, tận dụng thời cơ, phát huy những lợi thế so sánh của Việt Nam để phát triển kinh tế.

Kể từ khi gia nhập ASEAN đến nay, Việt Nam ngày càng tham gia tích cực và đầy đủ mọi hoạt động của ASEAN, Việt Nam có nhiều đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực hợp tác chính của ASEAN, góp phần tăng cường đoàn kết và hợp tác ASEAN, xử lý khéo léo một số vấn đề phức tạp, nhạy cảm trong khu vực, hạn chế sức ép và tác động từ bên ngoài. Việc Việt Nam từng bước hội nhập ngày càng sâu rộng và hiệu quả với khu vực đã góp phần quan trọng tạo môi trường hòa bình, thuận lợi cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự tham gia và đóng góp của Việt Nam đối với quá trình hợp tác, liên kết ASEAN đã tạo đà thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sự tham gia của Việt Nam vào liên kết ASEAN phù hợp với xu thế thời đại. Những thành tựu đạt được trong tham gia hợp tác, liên kết ASEAN đã góp phần củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới.

Năm 2015 đánh dấu tròn 20 năm Việt Nam gắn bó cùng ASEAN. Trong suốt quá trình tham gia hội nhập ASEAN, Việt Nam luôn nỗ lực hết mình vì sự phát triển và lớn mạnh của Hiệp hội với ý thức về tầm quan trọng chiến lược của ASEAN đối với Việt Nam: một Hiệp hội ASEAN đoàn kết, vững mạnh và thống nhất sẽ góp phần quan trọng trong việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định,

hữu nghị và phát triển ở khu vực. Với phương châm chủ đạo đó, một thập kỷ rưỡi qua, Việt Nam đã chủ động, tích cực cùng các nước thành viên thúc đẩy hợp tác, tăng cường đoàn kết và liên kết ASEAN, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của ASEAN, cùng ASEAN vượt qua những giai đoạn thăng trầm, qua đó, góp phần không nhỏ vào những thành công ASEAN có được ngày hôm nay.

Trên nền tảng những thành tựu hợp tác tốt đẹp của 4 thập kỷ tồn tại và phát triển, ASEAN đang bước sang giai đoạn mới, đó là đẩy mạnh liên kết khu vực, hướng tới xây dựng một Cộng đồng ASEAN vững mạnh dựa trên 3 trụ cột là chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội vào năm 2015, hoạt động trên cơ sở pháp lý của Hiến chương ASEAN. Việc xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN đang là ưu tiên hàng đầu của Hiệp hội hiện nay. Bởi vậy, Việt Nam đã và đang nỗ lực cùng các nước thành viên hiện thực hóa mục tiêu quan trọng này. Có thể nói, Việt Nam đã gắn bó chặt chẽ và đóng góp tích cực vào tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN ngay từ buổi đầu hình thành ý tưởng cho đến giai đoạn định hình chính sách và triển khai.

Một khía cạnh quan trọng trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN mà Việt Nam đã tham gia rất tích cực và để lại dấu ấn đậm nét là việc xây dựng, ký kết, phê chuẩn và triển khai Hiến chương ASEAN. Hiến chương là công cụ pháp lý và thể chế quan trọng để hỗ trợ ASEAN thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng. Sau 4 thập kỷ tồn tại, ASEAN vẫn chưa có một địa vị pháp lý trong luật quốc tế; trên thực tế, ASEAN mới chỉ hoạt động dựa trên các văn kiện chính trị, thiếu một nền tảng pháp lý làm cơ sở cho tăng cường liên kết sâu rộng hơn. Việc

xây dựng Hiến chương, do đó, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với ASEAN trong quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng.

Từ giai đoạn đầu khi Nhóm các nhân vật nổi tiếng của ASEAN phác thảo ý tưởng về các thành tố của bản Hiến chương, đến quá trình soạn thảo nội dung Hiến chương, Việt Nam đã tham gia rất tích cực và chủ động, cùng ASEAN đề ra các định hướng phát triển của Hiệp hội; củng cố và hệ thống hóa các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của ASEAN trong Hiến chương; góp phần dung hòa các quan điểm khác biệt, bảo đảm nội dung Hiến chương vừa phù hợp với thực tiễn hoạt động, vừa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ASEAN. Sau khi Hiến chương được ký thông qua, Việt Nam là một trong 5 nước đầu tiên phê chuẩn văn kiện này. Việt Nam cũng luôn là quốc gia tích cực trong quá trình triển khai Hiến chương. Việt Nam là nước thứ 2 cử Đại sứ, Đại diện thường trực trong Ủy ban các Đại diện thường trực về ASEAN (CPR), đồng thời cũng sớm lập Phái đoàn đại diện tại ASEAN. Vai trò tích cực của Việt Nam trong quá trình triển khai xây dựng các văn kiện pháp lý hỗ trợ cho Hiến chương cũng như đưa bộ máy tổ chức mới của ASEAN đi vào hoạt động cũng được Hiệp hội ghi nhận.

Một Chủ tịch ASEAN năng động và có trách nhiệm cùng đẩy mạnh hành động hướng tới xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN

Việt Nam tiếp nhận cương vị Chủ tịch ASEAN nhiệm kỳ 2010 đúng vào giai đoạn có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng của ASEAN. Đó là năm bản lề trong chặng đường 5 năm còn lại để ASEAN hoàn thành mục tiêu xây dựng Cộng đồng và cũng là năm ASEAN bắt đầu chính thức ổn định hoạt động theo bộ máy tổ chức và khung pháp lý do Hiến chương quy định.

Chính vì lẽ đó, Việt Nam đã cùng các nước thành viên đề ra ưu tiên xuyên suốt cho hợp tác ASEAN trong giai đoạn này là: Đẩy mạnh hành động nhằm hiện thực hóa mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN, được thể hiện qua Chủ đề “Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn tới hành động”. Với Chủ đề này, trong vai trò Chủ tịch, Việt Nam đã đề xuất 3 trọng tâm hành động của ASEAN là:

Thứ nhất, đẩy mạnh nỗ lực triển khai các chương trình, kế hoạch trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đồng thời, thiết thực đưa Hiến chương ASEAN vào cuộc sống.

Thứ hai, thúc đẩy hợp tác nhằm nâng cao năng lực của ASEAN trong việc ứng phó hữu hiệu hơn với các thách thức toàn cầu mà khu vực đang phải đối mặt.

Thứ ba, tăng cường quan hệ hợp tác giữa ASEAN với các bên Đối tác, tiếp tục củng cố vai trò và vị trí trung tâm của ASEAN trong các tiến trình đối thoại và hợp tác vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực.

Ba trọng tâm này có quan hệ bổ trợ lẫn nhau, cùng hướng tới xây dựng một Cộng đồng ASEAN gắn kết, tự cường và có vai trò vị thế quốc tế cao. Các ưu tiên này đã và sẽ được Việt Nam cụ thể hóa bằng các hành động để cùng các nước thành viên ASEAN đẩy mạnh trong năm 2010, đó là:

Để thiết thực đưa Hiến chương ASEAN đi vào cuộc sống, hiện ASEAN vẫn còn nhiều việc phải tiếp tục triển khai, nhất là hoàn thiện tổ chức bộ máy mới và

phương thức hoạt động cũng như hoàn tất các văn kiện pháp lý liên quan. Bộ máy tổ chức của ASEAN tới nay về cơ bản đã đi vào vận hành ổn định. Điều

quan trọng là cần phát huy vai trò của các cơ quan chủ chốt như các Hội đồng cấp Bộ trưởng và Ủy ban các Đại diện Thường trực về ASEAN (CPR) trong việc thúc đẩy và điều phối các hoạt động hợp tác của ASEAN. Một số cơ quan mới được thành lập như Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) và Ủy ban về Thúc đẩy và Bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em (ACWC) cũng cần hoạt động theo đúng các mục tiêu và nguyên tắc đã đề ra. Để ASEAN thực sự hoạt động hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, phương thức hoạt động của ASEAN cần tiếp tục được cải tiến theo hướng giảm thiểu các thủ tục lễ tân – hình thức, nâng cao chất lượng phối hợp và hợp tác. ASEAN, từ chỗ là một tổ chức liên kết lỏng lẻo và ra đời trên cơ sở một tuyên bố chính trị, đến nay đã chính thức có tư cách pháp nhân với Hiến chương ASEAN; tuy nhiên, để tư cách pháp nhân này có giá trị trong thực tế cuộc sống, nhiều văn kiện pháp lý liên quan cần phải tiếp tục được hoàn tất.

Với phương châm chủ động, tích cực và có trách nhiệm, Việt Nam tham gia đầy đủ, hoàn thành nghiêm túc các cam kết và đóng góp hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN.

Việt Nam đã chủ động thúc đẩy tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trong việc xử lý những thách thức lớn nảy sinh ở khu vực, nhất là trong vấn đề Biển Đông, trong đó có Tuyên bố riêng về Biển Đông của các BTNG ASEAN ngày 10/5/2014 (lần đầu tiên kể từ Tuyên bố năm 1992); thúc đẩy thực hiện DOC và xây dựng COC.

Việt Nam tích cực đóng góp vào tiến trình xây dựng Cộng đồng: Việt Nam là một trong số các quốc gia thành viên ASEAN đạt tỷ lệ cao hoàn thành các dòng

hành động trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009-2015), trong đó:

+ Về chính trị - an ninh, Việt Nam tích cực tham gia triển khai 14 lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, nhận chủ trì 04 dòng hành động của trụ cột Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN. Việt Nam đã chủ trì tổ chức thành công Diễn đàn Biên ASEAN (AMF) và Diễn đàn Biên ASEAN Mở rộng (EAMF) (Đà Nẵng, 27-28/8/2014) nhằm thúc đẩy hợp tác biển, tăng cường vai trò và đóng góp của diễn đàn đối với hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải trong khu vực.

+ Về kinh tế, Việt Nam tích cực đóng góp thúc đẩy liên kết kinh tế, là một trong ba quốc gia đạt tỷ lệ cao nhất thực hiện các biện pháp xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (84,5%). Việt Nam cũng tích cực đóng góp thúc đẩy hợp tác kinh tế sâu rộng hơn với các đối tác, trong đó đảm nhiệm tốt vai trò điều phối hoàn tất đàm phán dịch vụ ASEAN - Nhật Bản, tích cực tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và là chủ tọa Nhóm Đầu tư về phía ASEAN trong đàm phán đầu tư.

+ Về văn hóa - xã hội, Việt Nam đã chủ động đề xuất sáng kiến, tích cực thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực như: an sinh xã hội, môi trường và biến đổi khí hậu, quản lý thiên tai, thúc đẩy và bảo vệ quyền của lao động di cư... Việt Nam đã chủ trì tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng như Hội nghị Bộ trưởng phụ trách Văn hóa Nghệ thuật ASEAN lần thứ 6 (4/2014), Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN lần thứ 12 và các hội nghị liên quan (9/2014), Hội nghị đánh giá giữa kỳ Chương trình làm việc của các Bộ trưởng Lao động ASEAN (ALM-WP) giai đoạn 2010 - 2015, Hội thi tay nghề ASEAN (tháng 10/2014).

+ Bên cạnh đó, Việt Nam tích cực tham gia triển khai Kế hoạch Tổng thể về Kết nối (MPAC) và Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI); vận động các nước đối tác tham gia và hỗ trợ thực hiện.

Năm 2014, Việt Nam cũng tích cực thúc đẩy công tác tuyên truyền về Cộng đồng ASEAN, như lập công làm thủ tục xuất nhập cảnh riêng cho công dân các nước ASEAN tại các sân bay quốc tế; Tổ chức thường niên cuộc thi Tem bưu chính ASEAN; Tổ chức thi tìm hiểu về ASEAN (ASEAN Quiz); tổ chức “Những Ngày đại đoàn kết ASEAN” diễn ra tại Làng văn hóa-Du lịch các dân tộc Việt.

Việt Nam tích cực đóng góp thúc đẩy và làm sâu sắc thêm quan hệ với các đối tác, giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực

- Việt Nam đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy quan hệ sâu rộng hơn với các đối tác đối thoại và duy trì vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực; vận động các đối tác đối thoại đóng góp, hỗ trợ triển khai các trọng tâm, ưu tiên của ASEAN, nhất là tiến trình xây dựng Cộng đồng.

- Việt Nam đã đề xuất sáng kiến và chủ trì tổ chức thành công cuộc họp SOM đặc biệt về vai trò trung tâm của ASEAN và định hướng chiến lược về cấu trúc khu vực trong tương lai (Hà Nội, tháng 6/2014), được các nước ASEAN đánh giá là kịp thời trong bối cảnh ASEAN đang chịu tác động mạnh mẽ từ những diễn biến khu vực và quốc tế phức tạp và khó lường.

Phương hướng tham gia hợp tác ASEAN năm 2015 sẽ là dấu mốc quan trọng đưa ASEAN chuyển sang giai đoạn mới với việc hình thành Cộng đồng ASEAN vào cuối năm và xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau 2015 với những

khuôn khổ và luật chơi mới. Bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế diễn biến phức tạp đặt ra thách thức cho đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực. Bên cạnh đó, ASEAN cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn nội tại như nguồn lực hạn chế, bộ máy hoạt động chưa hiệu quả.

Trong năm 2015, Việt Nam đã tập trung vào các trọng tâm, ưu tiên sau:

Thứ nhất, tích cực thúc đẩy hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, trong đó thực hiện các chương trình/kế hoạch về xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015, rà soát để điều chỉnh các quy định trong nước cho phù hợp với cam kết trong ASEAN, tăng cường công tác tuyên truyền về Cộng đồng ASEAN để người dân hiểu về ASEAN cũng như vai trò và vị thế của Việt Nam trong ASEAN;

Thứ hai, chủ động tham gia xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau 2015 và các Kế hoạch Tổng thể triển khai Tầm nhìn trên cả 3 trụ cột;

Thứ ba, tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trong việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh và hợp tác ở khu vực;

Thứ tư, góp phần thúc đẩy quan hệ đối ngoại của ASEAN, trong đó sẽ tiếp tục thực hiện tốt vai trò nước điều phối quan hệ đối thoại ASEAN-EU (7/2012-7/2015); chuẩn bị và đảm nhiệm vai trò nước điều phối quan hệ đối thoại ASEAN-Ấn Độ (7/2015-7/2018).

Thứ năm, tăng cường bộ máy và cơ chế phối hợp giữa các Bộ/ngành của Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN, chuẩn bị cho Cộng đồng ra đời và giai đoạn phát triển sau đó.

Nhiệm vụ của Việt Nam trên cương vị Chủ tịch ASEAN, nhất là để đẩy mạnh mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN như Lộ trình đã đề ra là không đơn

giản. Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đề ra khoảng 800 mục tiêu hành động cho tiến trình xây dựng cả 3 trụ cột Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hóa - Xã hội và thu hẹp khoảng cách phát triển trong khi thời gian trước mắt đối với ASEAN chỉ còn 5 năm. Đây là khối lượng công việc to lớn, đòi hỏi cam kết chính trị mạnh mẽ cùng với nỗ lực và nguồn lực đáng kể của ASEAN. Là nước Chủ tịch, Việt Nam sẽ cùng các nước thành viên trong Hiệp hội đề ra các phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện nghiêm túc và đúng tiến độ các mục tiêu hành động của ASEAN.

Việt Nam luôn xác định một ASEAN liên kết chặt chẽ, đoàn kết và thống nhất, có vai trò và vị thế quốc tế quan trọng là phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của chúng ta. Việt Nam đã nỗ lực cùng ASEAN thúc đẩy và triển khai mục tiêu xây dựng Cộng đồng ngay từ những ngày đầu, và nhất là trong giai đoạn bản lề quan trọng hiện nay, khi ASEAN đang gấp rút đẩy mạnh tiến trình xây dựng Cộng đồng, đồng thời khi Việt Nam đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN. Cam kết của Việt Nam đối với ASEAN và mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN là nhất quán và kiên định. Theo đó, chúng ta quyết tâm tập trung nguồn lực cần thiết, có kế hoạch và lộ trình cụ thể để cùng các nước thành viên khác đẩy mạnh việc thực hiện các thỏa thuận về xây dựng Cộng đồng ASEAN. Hoàn thành tốt nhiệm vụ Chủ tịch ASEAN 2010 sẽ giúp nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam, đề cao hình ảnh một nước Việt Nam đổi mới và năng động, có đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

Tiểu kết chương 3

Cộng đồng ASEAN là một quá trình tất yếu, sau khi tổ chức ASEAN được thành lập và trở nên ngày càng vững mạnh thì việc xây dựng một cộng đồng chung mang tên ASEAN cũng là một quá trình chắc chắn sẽ được đưa ra. Cộng đồng an ninh chính trị, kinh tế xã hội ASEAN là sự nâng cao về nhận thức, quan điểm cũng như lợi ích của các quốc gia trực thuộc ASEAN. Việc xây dựng một cộng đồng chung cần có sự tham gia hợp tác của toàn bộ các quốc gia trong ASEAN, với yêu cầu sự đồng thuận và cân bằng giữa mặt bằng chung của các quốc gia. Không chỉ vậy, cộng đồng ASEAN là một nơi mà các quốc gia ASEAN có sự đoàn kết, gắn kết chắc chắn toàn diện. Ngoài ra, việc hình thành một cộng đồng chung như vậy còn cần đến sự công nhận của các tổ chức quốc tế, các nước ngoài khu vực cũng như sự đồng thuận của chính các quốc gia thành viên. Việc xây dựng cộng đồng ASEAN sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho bản thân các quốc gia thành viên ASEAN.

Xây dựng cộng đồng ASEAN là một lộ trình cần thiết cho sự phát triển của các quốc gia thành viên nói riêng cũng như toàn ASEAN nói chung. Xây dựng cộng đồng ASEAN là một nhiệm vụ quan trọng mà Việt Nam luôn cần phải chú trọng. Với những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong những năm qua đã nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, không những vậy, đối với nhiệm vụ xây dựng cộng đồng ASEAN, những thành tựu đó đã giúp cân bằng tính ổn định của toàn Đông Nam Á, là một cầu nối giúp cho quan hệ giữa các nước trong khu vực trở nên gắn kết hơn. Sự phát triển mọi mặt của một quốc gia nhằm thúc đẩy mặt bằng chung của toàn khu vực trở nên cao hơn, điều đó giúp cho các quốc gia

thành viên tin tưởng vào những ưu điểm khi cộng đồng ASEAN được chính thức thành lập. Do đó, với những thành tựu đạt được của mình, Việt Nam tin rằng đó chính là những nền tảng quan trọng để xây dựng một cộng đồng ASEAN bền chặt và vững mạnh.

KẾT LUẬN

Với vị trí địa lý - chiến lược quan trọng ở khu vực, cùng với những chính sách rộng mở và đóng góp to lớn, ASEAN đã trở thành đối tác không thể thiếu của các nước lớn và các trung tâm lớn trên thế giới. Các đối tác đều coi trọng quan hệ và đẩy mạnh hợp tác toàn diện với ASEAN cả về đa phương và song phương, hỗ trợ ASEAN xây dựng Cộng đồng, ủng hộ vai trò chủ đạo của Hiệp hội ở khu vực; coi ASEAN như một địa chỉ tin cậy, một xúc tác quan trọng để gắn kết và hài hoà các lợi ích đan xen, cùng hướng tới mục tiêu chung là duy trì hòa bình, ổn định và cùng phát triển thịnh vượng.

Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN tháng 7 năm 1995. Trong 20 năm tham gia ASEAN, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hợp tác của Hiệp hội. Việt Nam đã đóng vai trò của chốt trong việc xác định các phương hướng hợp tác và tương lai phát triển của Hiệp hội cũng như trong các quyết sách lớn của ASEAN, góp phần tăng cường đoàn kết và hợp tác cũng như nâng cao vai trò và vị thế của ASEAN. Việt Nam cũng có nhiều đóng góp quan trọng và cụ thể trên ba lĩnh vực hợp tác chính của ASEAN về chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa. Vai trò của Việt Nam trong ASEAN được đánh giá cao và coi trọng.

Đối với Việt Nam, ASEAN có ý nghĩa quan trọng vì tham gia hợp tác ASEAN mang lại cho Việt Nam nhiều lợi ích to lớn và thiết thực, tạo thuận lợi và hỗ trợ đáng kể trong việc triển khai thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Một cộng đồng ASEAN liên kết chặt chẽ, vững mạnh, có vai trò và vị thế quốc tế quan trọng, là hoàn

toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam.

Năm 2015 là năm kỷ niệm Việt Nam gia nhập ASEAN 20 năm, thông qua sự phát triển của 20 năm, chúng ta có thể nhìn thấy Việt Nam có rất nhiều đóng góp trong mỗi lĩnh vực trong tổ chức ASEAN và giành được rất nhiều thành tựu nổi bật. Tôi tin rằng, Việt Nam là một nước không thể thiếu được trong ASEAN, Việt Nam sẽ đóng vai trò càng ngày càng quan trọng trong tổ chức ASEAN và sẽ phát huy tác dụng ngày càng quan trọng trong tiến trình liên kết ASEAN, sự tác động của Việt Nam trong ASEAN sẽ ngày càng lớn mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

- [1] Vũ Thị Hải Anh (CB), ASEAN 40 năm nhìn lại và hướng tới, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
- [2] Phùng Đăng Bách(chủ biên 2007), Vai trò của Việt Nam trong ASEAN, Nxb Thông Tấn Hà Nội
- [3] Nguyễn Phương Bình (2000)- Vai trò của ASEAN đối với các nước thành viên và đối với khu vực Châu Á- Tạp chí Nghiên cứu quốc tế (số 34)
- [4] Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Hữu Cát, Nguyễn Thị Quế (2008): Hợp tác liên kết ASEAN hiện nay và sự tham gia của Việt Nam, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2008;
- [5] Ông Vũ Huy Hoàng- Bộ trưởng Công thương nhân dịp Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 42 (AEM-42) tại Việt Nam tháng 8/2010, tr 3.
- [6] Tạ Mai Hương; người hướng dẫn: PGS.TS. Ngô Văn Doanh; năm bảo vệ: năm 1998, Hợp tác văn hóa Việt Nam – ASEAN;
- [7] Trần Khánh (2008)- Tác động của tính “thống nhất trong đa dạng” đối với xây dựng cộng đồng ASEAN, Nghiên cứu Đông Nam Á (số 8)
- [8] Đỗ Như Khuê, Nguyễn Thị Loan Anh (1997), Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và ASEAN, Nxb Thống kê
- [9] Phạm Nguyên Long (chủ biên 1993) – Đông Nam Á trên đường phát triển, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội

[10] Phạm Nguyên Long (chủ biên 1998) –ASEAN- Những vấn đề và xu hướng,
Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội

[11] Đinh Xuân Lý (2001), Tiến trình hội nhập Việt Nam – ASEAN, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[12] Nguyễn Thu Mỹ (1998)- ASEAN hôm nay và triển vọng phát triển trong thế kỷ 21, Nxb Chính trị QG, Hà Nội

[13] Lương Ninh (CB), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh (2005)-Lịch sử Đông

[14] Vũ Dương Ninh (1997)- Hành trình hội nhập Việt Nam- ASEAN, Hội thảo quốc tế “ASEAN hôm nay và ngày mai”, Hà Nội

[15] Vũ Dương Ninh (chủ trì 1998), Đề cương về ASEAN và quan hệ Việt Nam – ASEAN; HN

[16] Vũ Dương Ninh (chủ trì 2000), Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả đề tài "Quan hệ Việt Nam - ASEAN"; HN

[17] Đào Huy Ngọc (chủ biên 1997), ASEAN và sự hội nhập của Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội

[18] Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kinh tế Thế giới (1999), Tầm nhìn ASEAN 2020; NXB CAND Hà Nội

[19] Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp (chủ biên 2012), Việt Nam gia nhập ASEAN từ 1995 đến nay, thành tựu, vấn đề và triển vọng, Nxb Chính trị Quốc gia-sự thật Hà Nội

[20] Nguyễn Xuân Sơn (chủ biên 1996)- Một số vấn đề tổ chức ASEAN, Nxb Chính trị QG, Hà Nội

[21] Phạm Đức Thành (Chủ biên 1998)- Việt Nam – ASEAN cơ hội và thách thức, Nxb Chính trị QG, Hà Nội

[22] Phạm Đức Thành, Trần Khánh (chủ biên 2006), Việt Nam trong ASEAN: nhìn lại và hướng tới, Nxb Khoa học Xã hội

[23] Hồ Minh Trang; người hướng dẫn: GS. Vũ Dương Ninh; năm bảo vệ: năm

[24] Nguyễn Thành Văn (2008)- Sự tiến triển quan điểm của ASEAN về cộng đồng ASEAN, Nghiên cứu Đông Nam Á (1).

[25] Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1998), Hợp tác Khu vực của ASEAN và triển vọng tham gia của ASEAN; HN

B. Tài liệu tiếng Trung

[26] Lan Cường, Từ Phương Vũ, Lý Hoa Kiệt (2012); Khái luận nước Việt Nam, NXB Sách vở thế giới

兰强、徐方宇、李兰杰，2012年12月1日，越南概兰，世界兰兰出版

[27] Dương Hiểu Cường, Trang Quốc Thổ (2014); Báo cáo sự phát triển ASEAN 2014, NXB Văn hiến Khoa học xã hội

兰兰强、庄国土，2014年12月1日，兰盟兰展兰告(2014)，社会科学文献出版社，第1版

[28] Hoàng Dĩ Đình (kỳ thứ 5 năm 2000), “ Sự ảnh hưởng của nước Việt Nam sau khi gia nhập ASEAN”, tạp chí Thông tin về khoa học và kinh tế

黄以亭，2000年第5期，加入兰盟兰越南的影响，《社会与兰兰信息》兰志

[29] Triệu Phương Linh (kỳ thứ 12 năm 2014), “ Những vấn đề tồn tại và lợi ích của sự hợp tác giữa Việt Nam với ASEAN”, tạp chí Tham khảo nghiên cứu quốc

tế

105

兰芳兰, 2014 年第 12 期, 越南与兰盟合作的收益及存在的兰兰, 《国兰研究参考》兰志

[30] Nhiều tác giả (2012), Nghiên cứu Đông Nam Á, NXB Sách vở thế giới
多作者, 2012 年, 兰南兰研究, 世界兰兰出版社

[31] Trần Bình tiên (2014), Nghiên cứu ASEAN 2013, NXB Trí tuệ thế giới
兰丙先, 2014 年 1 月 1 日, 兰盟研究(2013), 世界知兰出版社, 第 1 版

[32] Chu Ngọc Uyên (2015), Từ cộng đồng ASEAN đến ASEAN: Thực tiễn và
mô hình về quyết sách ASEAN, NXB Trí tuệ thế giới

周玉渊, 2015 年 5 月 1 日第一版, 从兰盟到兰盟共同体:兰盟决策的模式
与兰践, 世界知兰出版社

[33] Viện Khoa học xã hội Quảng Tây (2014), Báo cáo về quốc tình Việt Nam,
NXB Văn hiến Khoa học xã hội

广西社会科学院, 2014 年, 越南国情兰告, 社会科学文献出版社

C. Tài liệu tiếng Anh

[34] Acharya Amitav, Constructing a Security Community in South
Asia-ASEAN and the Problem of Regional Order, Routledge, London 2001.

[35] Declaration of ASEAN Concord. 24 Feb. 1976

[36] The ASEAN secretariat (2005), Asean documents series 2004 (Ten
nations one community), Public affairs office, Jakarta

D. Các trang web

[37] <http://www.aseansec.org>

[38] <http://www.mofa.gov.vn>

[39] <http://www.news.xinhuanet.com>

- [40] <http://www.vov.org.vn>
- [41] <http://www.thanhvien.com.vn>
- [42] <http://www.tienphong.vn>
- [43] www.customs.gov.vn
- [44] www.mpi.gov.vn
- [45] <http://www.vietnamplus.vn>
- [46] <http://www.customs.gov.vn>
- [47] <https://www.neu.edu.vn>
- [48] <http://www.customs.gov.vn>
- [49] <http://www.customs.gov.vn>
- [50] <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn>

